

DỰ THẢO

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VỚI “QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH; QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU; QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG”
(PHỤ LỤC II - ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG LĨNH VỰC CHĂN NUÔI)

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
1. Mô hình Chăn nuôi chim bồ câu				
Tên mô hình				
Không quy định	5. Chăn nuôi chim bồ câu	1. Mô hình Chăn nuôi gà, vịt, chim b) Mô hình chăn nuôi Chim - Bồ câu	Mô hình Chăn nuôi chim bồ câu	Đề xuất kế thừa theo tên “Mô hình Chăn nuôi chim bồ câu” để phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
				hành về Định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông trung ương
a) Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng: Chim bồ câu - Hình thức nuôi: sinh sản 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Đối tượng: Chim bồ câu 2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình Chăn nuôi Bò câu sinh sản: Nuôi nhốt chuồng để tăng năng suất; Áp dụng kỹ thuật chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học/ VietGAHP. - Mô hình Ấp trứng bò câu: Ứng dụng cơ giới hóa giúp hỗ trợ quá trình ấp trứng, tạo ra môi trường lý tưởng cho phôi phát triển và tối ưu hóa tỷ lệ nở. 3. Yêu cầu về kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình Chăn nuôi Bò câu sinh sản: Tỷ lệ sống $\geq 95\%$; - Năng suất 6-8 lứa/năm; 	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND, kế thừa các nội dung Yêu cầu về kỹ thuật gồm “Tỷ lệ sống, năng suất 6 – 8 lứa/năm, <i>Tỷ lệ nở/tổng trứng ấp $\geq 70\%$; Tỷ lệ gà loại I $\geq 95\%$</i>” tại điểm đ, khoản 6, mục I, Phụ lục II. Định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực chăn nuôi về Mô hình Ấp trứng gia cầm của Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm thể hiện được các chỉ tiêu theo dõi của mô hình. - Đề xuất kế thừa Thời gian thực hiện: 18 tháng để phù hợp với Quyết định số
		<ul style="list-style-type: none"> I. Định mức kinh tế kỹ thuật quy định: <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ sống $\geq 95\%$; - Năng suất 6-8 lứa/năm; 		

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH	
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU			
			- Mô hình Ấp trứng bò câu: Tỷ lệ nở/tổng trứng ấp $\geq 70\%$; Tỷ lệ gà loại I $\geq 95\%$.	726/QĐ-BNN-KN	
	a) Định mức lao động 2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: <u>18 tháng/cán bộ</u> (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp).	- Định mức triển khai về Thời gian triển khai: <u>12 tháng</u>	4. Thời gian thực hiện: 18 tháng		
b) Định mức lao động					
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>dự án (Người dân đối ứng)</u> 2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 18 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: <u>Quy mô 1.000 con</u>	Không quy định II. Định mức triển khai - Cán bộ chỉ đạo: <u>01 người</u> - Quy mô: 100-200 con/hộ	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u> 2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 18 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND; kế thừa nội dung thực hiện theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND để phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN	
c) Định mức máy móc, thiết bị					
Không quy định	b) Định mức máy móc, thiết bị (Áp dụng cho quy mô ≥ 500 mái sinh sản/cơ sở/hộ/nhóm hộ) 1. Máy ấp trứng bò câu	Không quy định	c) Định mức máy móc, thiết bị (Áp dụng cho quy mô ≥ 500 mái sinh sản/cơ sở/hộ/nhóm hộ) 1. Máy ấp trứng bò câu		

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
	2. Máy nỏ 3. Máy phát điện 4. Máy phun thuốc sát trùng 5. Hoá chất sát trùng		2. Máy nỏ 3. Máy phát điện 4. Máy phun thuốc sát trùng 5. Hoá chất sát trùng	
d) Định mức giống, vật tư				
Không quy định	c) Định mức giống, vật tư 1. Giống (Giống bò câu ngoại và bò câu lai từ 03 tháng tuổi. Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS)	I. Định mức kinh tế kỹ thuật - Con giống (ngày tuổi): ≥ 90 - Quy mô (100 con/hộ): 1-2	d) Định mức giống, vật tư 1. Giống (Giống bò câu ngoại và bò câu lai từ 03 tháng tuổi. Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật)	
	2. Thức ăn hỗn hợp: <u>10,8 kg/con</u> (Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của <u>dự án</u>)	- Thức ăn hỗn hợp giai đoạn 2: <u>12,5 kg/con</u>	2. Thức ăn hỗn hợp: <u>10,8 kg/con</u> (Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình</u>)	
	3. Vắc xin: 01 liều/con (<u>Newcastle</u>)	- Vắc xin: 01 liều/con <u>Dịch tả</u>	3. Vắc-xin: 01 liều/con (<u>Newcastle</u>)	
	4. Hóa chất sát trùng: 02 lít/con (Dung dịch pha loãng theo quy định)	- Thuốc sát trùng: 02 lít/con	4. Hóa chất sát trùng: 02 lít/con (Dung dịch pha loãng theo quy định)	
	5. Chế phẩm sinh học: 0,03 kg/con (Được phép		5. Chế phẩm sinh học: 0,03 kg/con (Được phép	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
	sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật)		sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật)	
		- Thuốc Thú y (1.000 đồng/con)		
đ) Định mức triển khai				
Mô hình nuôi bồ câu sinh sản				
Không quy định	1. Tập huấn kỹ thuật - Số lần: <u>02 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (Số lượng ≤ 30 người/lớp)	Tập huấn kỹ thuật - Số lần: <u>01 lần</u>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: <u>1-2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)	Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND để phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN. Đồng thời đề xuất bổ sung thêm Hội nghị sơ kết, Biên mô hình tại đ) Định mức triển khai để phù hợp với bố cục tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <u>01 Hội nghị/MH</u> ; - Hội nghị tổng kết: <u>01 Hội nghị</u> .	- Hội nghị sơ kết: <u>Không quy định</u> - Hội nghị tổng kết: <u>01 lần</u> . - <u>Tham quan hoặc Hội thảo đầu bờ: 01 lần</u>	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <u>01 HN</u> (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: <u>01 HN</u> (1-2 ngày/HN)	
	Không quy định	Không quy định	3. Biên mô hình: ≤ 10 cái	
Mô hình Ấp trứng bồ câu				
Không quy định	1. Tập huấn kỹ thuật + Số lần: 01 Lần; + Thời gian: 07-14 ngày	Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình + Số lần: 1-2 Lần; + Thời gian: 07-14 ngày	Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND để

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
	2. Hội nghị tổng kết: 01 Hội nghị.		(- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <u>01 HN</u> (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: <u>01 HN</u> (1-2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤ 10 cái	phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN. Đồng thời đề xuất bổ sung thêm Hội nghị sơ kết, Biên mô hình để phù hợp với bố cục tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
	Không quy định			
2. Mô hình Chăn nuôi Chim cú thương phẩm				
Tên mô hình				
Không quy định	Không quy định	1. Mô hình Chăn nuôi gà, vịt, chim b) Mô hình chăn nuôi Chim - Chim cú (nuôi thịt)	Mô hình Chăn nuôi Chim cú thương phẩm	Đề xuất tên “Mô hình Chăn nuôi Chim cú thương phẩm” để phù hợp với mục đích sản xuất ra các sản phẩm như thịt, trứng,... để cung cấp cho thị trường và người tiêu dùng nhằm thu lợi nhuận
a) Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Không quy định - Đối tượng: Chim cú - Hình thức nuôi: nuôi thịt	a) Yêu cầu chung - Đối tượng: Chim cú nuôi thịt - Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng	- Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND để có thể áp dụng đa dạng các loại mô hình rộng rãi

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		<ul style="list-style-type: none"> - Định mức: + Tỷ lệ sống: $\geq 95\%$ + Tỷ lệ xuất chuồng: $\geq 0,15$ kg/con - Định mức triển khai về Thời gian triển khai: 03 tháng 	<ul style="list-style-type: none"> + Chuồng trại đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình; + Thức ăn và mật độ nuôi phù hợp + Áp dụng kỹ thuật chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học/VietGAHP - Yêu cầu về kỹ thuật: + Tỷ lệ sống: $\geq 95\%$ + Tỷ lệ xuất chuồng: $\geq 0,15$ kg/con - Thời gian triển khai: 03 tháng 	<p>đến được với người chăn nuôi vì đây là mô hình duy nhất của 03 tỉnh sau sáp nhập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục và bổ sung thêm Hội nghị sơ kết, Biễn mô hình tại đ) Định mức triển khai để phù hợp với bố cục tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp hiệu quả.
		II. Định mức triển khai	b) Định mức lao động	
		Không quy định	c) Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d) Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ) Định mức triển khai	
3. Mô hình Chăn nuôi Chim cút sinh sản				
Tên mô hình				
Không quy định	6. Chăn nuôi Chim cút sinh sản	1. Mô hình Chăn nuôi gà, vịt, chim b) Mô hình chăn nuôi	Mô hình Chăn nuôi Chim cút sinh sản	Tên Định mức của cả 02 QĐ 29/2024/QĐ-UBND và 18/2022/QĐ-UBND

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		Chim - Chim cú (sinh sản)		giống nhau. Do đó, thống nhất lấy tên “Mô hình Chăn nuôi Chim cú sinh sản” vì cả hai văn bản này cùng quy định về định mức kỹ thuật cho cùng một đối tượng sản xuất. Việc đồng nhất tên giúp đảm bảo tính nhất quán, dễ quản lý, áp dụng đúng quy chuẩn kỹ thuật.
a) Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: Chim cú	1. Đối tượng: Chim cú sinh sản	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND, kế thừa Yêu cầu về kỹ thuật theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm thể hiện được các chỉ tiêu theo dõi của mô hình. - Đề xuất kế thừa thời gian thực hiện: 18 tháng để phù hợp với thời gian thực hiện Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN.
		Hình thức nuôi: sinh sản	2. Kỹ thuật công nghệ ứng dụng: - Chuồng trại đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình; - Thức ăn và mật độ nuôi phù hợp - Nuôi sinh sản. Áp dụng kỹ thuật chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học/ VietGAHP.	
		- Định mức:	3. Yêu cầu về kỹ thuật:	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		+ Tỷ lệ sống: $\geq 95\%$ + Năng suất: 260-270 trứng/con/năm	+ Tỷ lệ sống: $\geq 95\%$ + Năng suất: 260-270 trứng/con/năm	
	a) Định mức lao động 2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: <u>18 tháng/cán bộ</u> (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp).	- Định mức triển khai về Thời gian triển khai: 12 tháng	4. Thời gian thực hiện: 18 tháng	
b) Định mức lao động				Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2022/QĐ-UBND và kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND để phù hợp Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>dự án</u>	Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 18 tháng	Cán bộ chỉ đạo: 10-20 người	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 18 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c) Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	b) Định mức máy móc, thiết bị (<i>Áp dụng cho quy mô ≥ 4.000 mái sinh sản/cơ sở/hộ/nhóm hộ</i>) 1. Máy ấp trứng chim cút	Không quy định	c) Định mức máy móc, thiết bị (<i>Áp dụng cho quy mô ≥ 4.000 mái sinh sản/cơ sở/hộ/nhóm hộ</i>) 1. Máy ấp trứng chim cút	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU		
	2. Máy nở 3. Máy phát điện 4. Máy phun thuốc sát trùng 5. Hoá chất sát trùng		2. Máy nở 3. Máy phát điện 4. Máy phun thuốc sát trùng 5. Hoá chất sát trùng	
d) Định mức giống, vật tư				
Không quy định	c) Định mức giống, vật tư 1. Giống (Chim cut 01 ngày tuổi, giống được công nhận TBKT, công bố TCCS)	I. Định mức kinh tế kỹ thuật Con giống: Chim cut 01 ngày tuổi Quy mô (100 con/hộ): 10-50	d) Định mức giống, vật tư 1. Giống (Chim cut 01 ngày tuổi, giống được công nhận TBKT, công bố TCCS hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật)	Đề xuất điều chỉnh Vaccine: 04 liều/con (Vaccine các giống chim: Dịch tả (1); Liều dùng Vaccine dịch tả = 4 lần, cúm GC = 3 lần cho gà) thành Vaccine: 04 liều/con (Newcastle) nhằm phù hợp với Quyết
	2. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh: <u>0,7 kg/con</u> (Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án)	Thức ăn hỗn hợp (giai đoạn 1): <u>0,52 kg/con</u> (protein \geq 22%)	2. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh: <u>0,7 kg/con</u> (Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình)	
	3. Vaccine: 04 liều/con (Newcastle)	Vaccine: 04 liều/con (Vaccine các giống chim: Dịch tả (1); Liều dùng Vaccine dịch tả = 4 lần, cúm GC = 3 lần cho gà)	3. Vắc-xin: 04 liều/con (Newcastle)	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
	4. Hóa chất sát trùng: 01 lít/con (Dung dịch pha loãng theo quy định)	Thuốc sát trùng: 01 lít/con Thuốc Thú y: ≤ 01 (1.000 đồng/con)	4. Hóa chất sát trùng: 01 lít/con (Dung dịch pha loãng theo quy định)	định số 726/QĐ-BNN-KN
	5. Chế phẩm sinh học: 0,01 kg/con		5. Chế phẩm sinh học: 0,01 kg/con	
đ) Định mức triển khai				
Không quy định	1. Tập huấn kỹ thuật - Số lần: <u>02 lần</u> - Thời gian: 01 ngày - Tham quan hoặc Hội thảo đầu bờ: <u>Không quy định</u>	- Tập huấn kỹ thuật: <u>01 lần</u> - Số lần: <u>01 lần</u> - Tham quan hoặc Hội thảo đầu bờ: <u>01 lần</u>	1. Tập huấn kỹ thuật - Số lần: <u>1-2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)	Đề xuất kế thừa bố cục và bổ sung thêm Hội nghị sơ kết, Bảng mô hình tại đ) Định mức triển khai để phù hợp với bố cục tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <u>01 Hội nghị/MH;</u> - Hội nghị tổng kết: <u>01 Hội nghị.</u>	- Hội nghị sơ kết: <u>Không quy định</u> - Hội nghị tổng kết: <u>01 lần.</u>	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <u>01 HN (01 ngày/HN)</u> - Hội nghị tổng kết: <u>01 HN (1-2 ngày/HN)</u>	
	Không quy định	Không quy định	3. Biển mô hình: ≤ 10 cái	
4. Mô hình Chăn nuôi chim Đà điều thương phẩm				
Tên mô hình				
Không quy định	Không quy định	1. Mô hình Chăn nuôi gà, vịt, chim b) Mô hình chăn nuôi	Mô hình Chăn nuôi chim Đà điều thương phẩm	Đề xuất kế thừa tên “Mô hình Chăn nuôi chim Đà điều thương phẩm” theo

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		Chim - Đà điểu (thương phẩm)		Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND vì đây là mô hình duy nhất về Chăn nuôi chim Đà điểu thương phẩm
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định - Đối tượng: Đà điểu - Hình thức nuôi: Thương phẩm - Định mức: + Tỷ lệ sống (%): ≥ 95 ; + Trọng lượng xuất chuồng (kg/con): ≥ 85 - Thời gian triển khai: 12 tháng	a) Yêu cầu chung - Đối tượng: Chim Đà điểu - Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Chăn nuôi theo hướng thương phẩm. Áp dụng kỹ thuật chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học/VietGAHP - Yêu cầu về kỹ thuật: + Tỷ lệ sống (%): ≥ 95 ; + Trọng lượng xuất chuồng (kg/con): ≥ 85 - Thời gian triển khai: 12 tháng	- Đề xuất điều chỉnh nội dung phần Vaccine của d) Định mức giống, vật tư, từ “ <i>Dịch tả (2); Cúm GC (2)</i> ” thành “ (2) Newcastle; (2) Cúm GC ” để phù hợp với Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN. Các nội dung còn lại vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND.
		II. Định mức triển khai	b) Định mức lao động	
		Không quy định	c) Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ	d) Định mức giống, vật tư	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		thuật 1. Giống 2. TĂHH 3. Vaccine: <u>Dịch tả (02); Cúm GC (02)</u> 4. TST 5. Thú y II. Định mức triển khai	1. Giống 2. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh 3. Vắc-xin: <u>Newcastle (02); Cúm GC (02)</u> 4. Hóa chất sát trùng 5. Thú y đ) Định mức triển khai	- Đề xuất kế thừa bộ cục và bổ sung thêm Hội nghị sơ kết, Biên mô hình tại đ) Định mức triển khai để phù hợp với bộ cục tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
5. Mô hình Chăn nuôi chim Trĩ thương phẩm				
Tên Mô hình				
Không quy định	Không quy định	1. Mô hình Chăn nuôi gà, vịt, chim b) Mô hình chăn nuôi Chim - Chim trĩ (thương phẩm)	Mô hình Chăn nuôi chim Trĩ thương phẩm	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình Chăn nuôi chim Trĩ thương phẩm” theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND vì đây là mô hình duy nhất của 03 tỉnh trước sáp nhập
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định - Đối tượng: Chim Trĩ - Hình thức nuôi: thương phẩm	a) Yêu cầu chung - Đối tượng: Chim Trĩ - Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Chăn nuôi theo hướng thương phẩm. Áp	- Đề xuất điều chỉnh nội dung phần Vaccine của đ) Định mức giống, vật tư, từ “ <i>Dịch tả (1)</i> ” thành “ (1) Newcastle; (1) Cúm GC ”

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		- Định mức + Tỷ lệ sống (%): ≥ 90 ; + Trọng lượng xuất chuồng (kg/con): 0,9 - 1,4 - Thời gian triển khai: 06 tháng II. Định mức triển khai Không quy định I. Định mức kinh tế kỹ thuật II. Định mức triển khai	dụng kỹ thuật chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học/VietGAHP. - Yêu cầu về kỹ thuật: + Tỷ lệ sống (%): ≥ 90 ; + Trọng lượng xuất chuồng (kg/con): 0,9 - 1,4 - Thời gian triển khai: 06 tháng b) Định mức lao động c) Định mức máy móc, thiết bị d) Định mức giống, vật tư đ) Định mức triển khai	để phù hợp với Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn. Các nội dung còn lại vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa bố cục và bổ sung thêm Hội nghị sơ kết, Biên mô hình tại đ) Định mức triển khai để phù hợp với bố cục tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
6. Mô hình Chăn nuôi chim Trĩ sinh sản				
Tên Mô hình				
Không quy định	Không quy định	1. Mô hình Chăn nuôi gà, vịt, chim b) Mô hình chăn nuôi	Mô hình Chăn nuôi chim Trĩ sinh sản	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình Chăn nuôi chim trĩ sinh sản” theo

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		Chim - Chim trĩ (sinh sản)		Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND vì đây là mô hình duy nhất của 03 tỉnh trước sáp nhập
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	<p>Không quy định</p> <p>- Đối tượng: Chim Trĩ</p> <p>- Hình thức nuôi: sinh sản</p> <p>- Định mức:</p> <p>- Tỷ lệ sống (%): ≥ 90;</p> <p>- Năng suất: 70 - 80 trứng/con/năm</p> <p>- Định mức triển khai Thời gian triển khai: 12 tháng</p>	<p>a) Yêu cầu chung</p> <p>- Đối tượng: Chim Trĩ sinh sản</p> <p>- Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Chăn nuôi theo hướng sinh sản. Áp dụng kỹ thuật chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học/VietGAHP</p> <p>- Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <p>- Tỷ lệ sống (%): ≥ 90;</p> <p>- Năng suất: 70 - 80 trứng/con/năm</p> <p>- Tỷ lệ trống/mái là 1/3</p> <p>- Thời gian triển khai: 12 tháng</p>	<p>- Đề xuất điều chỉnh nội dung phần Vaccine của d) Định mức giống, vật tư, từ “<i>Dịch tả (1)</i>” thành “(1) Newcastle; (1) Cúm GC” để phù hợp với Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn. Các nội dung còn lại vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND.</p> <p>Tham khảo Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh</p>
		II. Định mức triển khai	b) Định mức lao động	
		Không quy định	c) Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ	d) Định mức giống, vật tư	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		thuật II. Định mức triển khai	đ) Định mức triển khai	- Đề xuất kế thừa bố cục và bổ sung thêm Hội nghị sơ kết, Biên mô hình tại đ) Định mức triển khai để phù hợp với bố cục tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
7. Mô hình Chăn nuôi gà thương phẩm theo hướng hữu cơ				
Tên Mô hình				
Không quy định	Không quy định	1. Mô hình Chăn nuôi gà, vịt, chim a) Mô hình chăn nuôi gà, vịt - Gà lông màu nhập nội (thương phẩm theo hướng hữu cơ) - Gà nội (thương phẩm theo hướng hữu cơ) - Gà lông màu lai (thương phẩm theo hướng hữu cơ)	Mô hình Chăn nuôi gà thương phẩm theo hướng hữu cơ	Đề xuất lấy tên “Mô hình Chăn nuôi gà thương phẩm theo hướng hữu cơ”, theo đó gom danh mục con giống, thức ăn,... của 03 mô hình đưa chung thành 01 mô hình để thể hiện rõ Mô hình Chăn nuôi gà thương phẩm theo hướng hữu cơ nhưng nội dung vẫn thể hiện đầy đủ hạng mục hỗ trợ: gà lông màu nhập nội, gà nội, gà lông màu lai,...
a) Yêu cầu chung				Đề xuất kế thừa bố cục

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
Không quy định	Không quy định	<p>Đối tượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gà lông màu nhập nội; - Gà nội; - Gà lông màu lai. 	<p>1. Đối tượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gà lông màu nhập nội; - Gà nội; - Gà lông màu lai. 	theo Quyết định số 64/2022/QĐ-UBND, kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
		- Hình thức nuôi: thương phẩm theo hướng hữu cơ	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Chăn nuôi theo hướng hữu cơ.	
		<p>Định mức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ sống hoặc tỷ lệ sinh sản: + Gà lông màu nhập nội $\geq 93\%$; + Gà nội $\geq 90\%$; + Gà lông màu lai $\geq 93\%$. <p>Trọng lượng xuất chuồng hoặc năng suất sinh sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Gà lông màu nhập nội $\geq 2,2$ kg/con; + Gà nội $\geq 1,4$ kg/con; + Gà lông màu lai $\geq 1,6$ kg/con. 	<p>3. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <p>Tỷ lệ sống hoặc tỷ lệ sinh sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gà lông màu nhập nội $\geq 93\%$; - Gà nội $\geq 90\%$; - Gà lông màu lai $\geq 93\%$. <p>Trọng lượng xuất chuồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gà lông màu nhập nội $\geq 2,2$ kg/con; - Gà nội $\geq 1,4$ kg/con; - Gà lông màu lai $\geq 1,6$ kg/con. 	
		- Định mức triển khai về thời gian triển khai: 06 tháng	4. Thời gian thực hiện: 06 tháng	
b) Định mức lao động				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
Không quy định	Không quy định	Không quy định - Định mức triển khai: + Thời gian triển khai: 06 tháng + Cán bộ chỉ đạo: 01 người + Quy mô: 2.000 – 10.000 con/hộ	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng) 2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 06 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c) Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	c) Định mức máy móc, thiết bị	
d) Định mức giống, vật tư				
Không quy định	Không quy định	Định mức kinh tế kỹ thuật cả 03 mô hình quy định: - Con giống: 01 ngày tuổi - Quy mô (100 con/hộ): 2-10	1. Giống: 01 ngày tuổi, giống được công nhận TBKT, công bố TCCS hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	
		- Thức ăn hỗn hợp cả 03 mô hình: * Gà lông màu nhập nội: - Giai đoạn 1: 0,8 kg/con	2. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh: * Gà lông màu nhập nội: 6,5 kg/con - Giai đoạn 1: 0,8 kg/con	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		(Protein \geq 20 %); - Giai đoạn 2: 5,7 kg/con (Protein \geq 17 %) * Gà nội: - Giai đoạn 1: 0,5 kg/con (Protein \geq 20 %); - Giai đoạn 2: 5,1 kg/con (Protein \geq 17 %) * Gà lông màu lai - Giai đoạn 1: 0,7 kg/con (Protein \geq 20 %); - Giai đoạn 2: 5,9 kg/con (Protein \geq 17 %)	(Protein \geq 20 %); - Giai đoạn 2: 5,7 kg/con (Protein \geq 17 %) * Gà nội: 5,6 kg/con - Giai đoạn 1: 0,5 kg/con (Protein \geq 20 %); - Giai đoạn 2: 5,1 kg/con (Protein \geq 17 %) * Gà lông màu lai: 6,6 kg/con - Giai đoạn 1: 0,7 kg/con (Protein \geq 20 %); - Giai đoạn 2: 5,9 kg/con (Protein \geq 17 %)	
		- Vaccine cả 03 mô hình: 08 liều/con (Gum: 02; ND-IB: 02; Dịch tả: 01, Đậu: 01; Cúm GC: 02)	3. Vắc-xin: 08 liều/con (Gumboro: 02; ND-IB: 02; Dịch tả: 01, Đậu gà: 01; Cúm gia cầm: 02)	
		- Thuốc sát trùng cả 03 mô hình: 0,5 (lít/con)	4. Hóa chất sát trùng: 0,5 lít/con (Dung dịch pha loãng theo quy định)	
		- Chế phẩm sinh học cả 03 mô hình: 0,05 kg, lít/con	5. Chế phẩm sinh học: 0,05 kg, lít/con	
		- Thú y cả 03 mô hình: \leq 05 (1.000 đồng/con)	6. Thú y: \leq 05 (1.000 đồng/con)	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
đ) Định mức triển khai				
Không quy định	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn kỹ thuật cả 03 mô hình: 01 lần - Tham quan hoặc hội thảo đầu bờ cả 03 mô hình: 01 lần - Hội nghị tổng kết cả 03 mô hình: 01 lần - Biên mô hình: Không quy định 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tập huấn kỹ thuật <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: <u>1-2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 0 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤ 10 cái 	Đề xuất kế thừa bố cục và bổ sung thêm Hội nghị sơ kết, Biên mô hình tại đ) Định mức triển khai để phù hợp với bố cục tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
8. Mô hình Chăn nuôi gà thương phẩm				
Tên Mô hình				
Không quy định	1. Chăn nuôi gà thương phẩm	Không quy định	Mô hình Chăn nuôi gà thương phẩm	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình Chăn nuôi gà thương phẩm” theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND vì đây là mô hình duy nhất về chăn nuôi gà thương phẩm.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a) Yêu cầu chung	- Tham khảo Quyết định số

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
	a) Định mức lao động 2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: <u>05 tháng/cán bộ</u> (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp). 2. Định mức triển khai Không quy định 1. Định mức kinh tế kỹ thuật 2. Định mức triển khai		- Đối tượng: Gà - Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Chăn nuôi theo hướng thương phẩm. Áp dụng kỹ thuật chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học/VietGAHP - Yêu cầu về kỹ thuật: + Tỷ lệ sống (%): ≥ 95 ; + Trọng lượng xuất chuồng $\geq 1,6$ kg/12 tuần tuổi. + Tiêu tốn thức ăn/kg tăng trọng (kg) $\leq 2,8$ kg - Thời gian thực hiện: 05 tháng b) Định mức lao động c) Định mức máy móc, thiết bị d) Định mức giống, vật tư đ) Định mức triển khai	55/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật cho hoạt động khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. - Đề xuất kế thừa bố cục và bổ sung thêm Hội nghị sơ kết, Biện mô hình tại đ) Định mức triển khai để phù hợp với bố cục tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND, kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
9. Mô hình Chăn nuôi gà sinh sản theo hướng hữu cơ				
Tên Mô hình				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
Không quy định	Không quy định	1. Mô hình Chăn nuôi gà, vịt, chim a) Mô hình chăn nuôi gà, vịt - Gà lông màu hướng thịt nhập nội (sinh sản theo hướng hữu cơ) - Gà nội (sinh sản theo hướng hữu cơ) - Gà hướng trứng (sinh sản theo hướng hữu cơ)	Mô hình Chăn nuôi gà sinh sản theo hướng hữu cơ	Đề xuất lấy tên “Mô hình Chăn nuôi gà sinh sản theo hướng hữu cơ”, theo đó gom danh mục con giống, thức ăn,... của 03 mô hình đưa chung thành 01 mô hình để thể hiện rõ Mô hình Chăn nuôi gà sinh sản theo hướng hữu cơ nhưng nội dung vẫn thể hiện đầy đủ hạng mục hỗ trợ: gà lông màu hướng thịt nhập nội, gà nội, gà hướng trứng,...
a) Yêu cầu chung				Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2022/QĐ-UBND, kế thừa nội dung của 03 mô hình theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: - Gà lông màu hướng thịt nhập nội; - Gà nội; - Gà hướng trứng. - Hình thức nuôi cả 03 mô hình: Sinh sản theo hướng	1. Đối tượng: - Gà lông màu hướng thịt nhập nội; - Gà nội; - Gà hướng trứng. 2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Nuôi sinh sản theo	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		hữu cơ I. Định mức kinh tế kỹ thuật cả 03 mô hình quy định: - Tỷ lệ sống hoặc tỷ lệ sinh sản: + Gà lông màu hương thịt nhập nội $\geq 80\%$; + Gà nội $\geq 75\%$; + Gà hương trứng $\geq 80\%$. - Năng suất sinh sản: + Gà lông màu hương thịt nhập nội ≥ 160 quả/mái/năm; + Gà nội ≥ 80 quả/mái/năm; + Gà hương trứng ≥ 200 quả/mái/năm. - Định mức triển khai về thời gian triển khai cả 03 mô hình: 18 tháng	hướng hữu cơ 3. Yêu cầu về kỹ thuật: - Tỷ lệ sống hoặc tỷ lệ sinh sản: + Gà lông màu hương thịt nhập nội $\geq 80\%$; + Gà nội $\geq 75\%$; + Gà hương trứng $\geq 80\%$. - Năng suất sinh sản: + Gà lông màu hương thịt nhập nội ≥ 160 quả/mái/năm; + Gà nội ≥ 80 quả/mái/năm; + Gà hương trứng ≥ 200 quả/mái/năm. 4. Thời gian thực hiện: 18 tháng	
b) Định mức lao động				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		- Định mức triển khai cả 03 mô hình: + Thời gian triển khai: 18 tháng + Cán bộ chỉ đạo: 01 người + Quy mô: 2.000 - 10.000 con/hộ	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 18 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c) Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	c) Định mức máy móc, thiết bị	
d) Định mức giống, vật tư				
Không quy định	Không quy định	I. Định mức kinh tế kỹ thuật cả 03 mô hình quy định: - Con giống: 01 ngày tuổi - Quy mô (100 con/hộ): 2-10	d) Định mức giống, vật tư 1. Giống: 01 ngày tuổi, giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
		- Thức ăn hỗn hợp cả 03 mô hình: * Gà lông màu hướng thị nhập nội: - Giai đoạn 1: 2,8 kg/con (Protein \geq 20 %); - Giai đoạn 2: 9,5 kg/con	2. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh: * Gà lông màu hướng thị nhập nội: 12,3 kg/con - Giai đoạn 1: 2,8 kg/con (Protein \geq 20 %); - Giai đoạn 2: 9,5 kg/con (Protein \geq 15 %)	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		(Protein \geq 15 %) * Gà nội: - Giai đoạn 1: 2,3 kg/con (Protein \geq 20 %); - Giai đoạn 2: 8,5 kg/con (Protein \geq 15 %) * Gà hướng trứng: - Giai đoạn 1: 1,8 kg/con (Protein \geq 20 %); - Giai đoạn 2: 5,7 kg/con (Protein \geq 15 %)	* Gà nội: 10,8 kg/con - Giai đoạn 1: 2,3 kg/con (Protein \geq 20 %); - Giai đoạn 2: 8,5 kg/con (Protein \geq 15 %) * Gà hướng trứng: 7,5 kg/con - Giai đoạn 1: 1,8 kg/con (Protein \geq 20 %); - Giai đoạn 2: 5,7 kg/con (Protein \geq 15 %)	
		- Vaccine cả 03 mô hình: 14 liều/con (Gum: 03; ND-IB: 02; Dịch tả: 04, Đậu gà: 01; ILT: 02; Cúm GC: 02)	3. Vắc-xin: 14 liều/con (Gumboro: 03; ND-IB: 02; Dịch tả: 04, Đậu gà: 01; ILT: 02; Cúm GC: 02)	
		- Thuốc sát trùng cả 03 mô hình: 2,5 (lít/con)	4. Hóa chất sát trùng: 2,5 lít/con (Dung dịch pha loãng theo quy định)	
		- Chế phẩm sinh học cả 03 mô hình: 0,05 kg, lít/con	- Chế phẩm sinh học: 0,05 kg, lít/con (Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật).	
		- Thú y cả 03 mô hình: \leq 15 (1.000 đồng/con)	- Thú y: \leq 15 (1.000 đồng/con)	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
đ) Định mức triển khai				
Không quy định	Không quy định	- Tập huấn kỹ thuật cả 03 mô hình: 01 lần - Tham quan hoặc hội thảo đầu bờ cả 03 mô hình: 01 lần	1. Tập huấn kỹ thuật - Số lần: <u>1-2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)	Đề xuất kế thừa bố cục và bổ sung thêm Hội nghị sơ kết, Biên mô hình tại đ) Định mức triển khai để phù hợp với bố cục tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
		- Hội nghị tổng kết cả 03 mô hình: 01 lần	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)	
		Không quy định	3. Biên mô hình: ≤ 10 cái	
10. Mô hình Chăn nuôi gà sinh sản				
Tên Mô hình				
Không quy định	2. Chăn nuôi gà sinh sản	Không quy định	Mô hình Chăn nuôi gà sinh sản	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình Chăn nuôi gà sinh sản” theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND vì đây là mô hình duy nhất ở cả 03 tỉnh trước sáp nhập.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a) Yêu cầu chung 1. Đối tượng: Gà sinh sản	- Tham khảo Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 19

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU		
	<p>a) Định mức lao động</p> <p>2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: <u>18 tháng/cán bộ</u> (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp).</p> <p>II. Định mức triển khai</p> <p>Không quy định</p> <p>I. Định mức kinh tế kỹ thuật</p>		<p>2. Kỹ thuật, công nghệ áp dụng: Áp dụng kỹ thuật chăn nuôi gà sinh sản theo hướng an toàn sinh học/VietGAHP</p> <p>3. Yêu cầu về kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ nuôi sống đến lúc đẻ (%) $\geq 90\%$ - Năng suất trứng trên mái (trứng/mái/năm) + Gà hướng thịt ≥ 160 + Gà hướng trứng ≥ 200 - Tỷ lệ hao hụt trong giai đoạn đẻ (%/tháng) $\leq 2\%$ - Thời gian triển khai: 18 tháng <p>b) Định mức lao động</p> <p>c) Định mức máy móc, thiết bị</p> <p>d) Định mức giống, vật tư</p>	<p>tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật cho hoạt động khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.</p> <p>- Đề xuất kế thừa bộ cục và bổ sung thêm Hội nghị sơ kết, Biên mô hình tại đ) Định mức triển khai để phù hợp với bộ cục tại Quyết</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
	II. Định mức triển khai		đ) Định mức triển khai	định số 64/2024/QĐ-UBND, kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
11. Mô hình Chăn nuôi vịt thương phẩm theo hướng hữu cơ				
Tên Mô hình				
Không quy định	Không quy định	1. Mô hình Chăn nuôi gà, vịt, chim a) Mô hình chăn nuôi gà, vịt - Vịt hướng thịt (thương phẩm theo hướng hữu cơ) - Vịt kiêm dụng (thương phẩm theo hướng hữu cơ) - Vịt biển (thương phẩm theo hướng hữu cơ) - Vịt xiêm (ngan) (thương phẩm theo hướng hữu cơ) - Vịt trời (thương phẩm theo hướng hữu cơ)	Mô hình Chăn nuôi vịt thương phẩm theo hướng hữu cơ	Đề xuất lấy tên “Mô hình Chăn nuôi vịt thương phẩm theo hướng hữu cơ”, theo đó gom danh mục con giống, thức ăn,... của 05 mô hình đưa chung thành 01 mô hình để thể hiện rõ Mô hình Chăn nuôi vịt thương phẩm theo hướng hữu cơ nhưng nội dung vẫn thể hiện đầy đủ hạng mục hỗ trợ: Vịt hướng thịt, vịt kiêm dụng, Vịt biển,...
a) Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: - Vịt hướng thịt;	1. Đối tượng: - Vịt hướng thịt;	Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2022/QĐ-UBND, kế

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		<ul style="list-style-type: none"> - Vịt kiêm dụng; - Vịt biên; - Vịt xiêm (ngang); - Vịt trời 	<ul style="list-style-type: none"> - Vịt kiêm dụng; - Vịt biên; - Vịt xiêm (ngang); - Vịt trời 	<p>thừa nội dung của 05 mô hình theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.</p>
		Hình thức nuôi: Nuôi thương phẩm theo hướng hữu cơ	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Nuôi thương phẩm theo hướng hữu cơ	
		<p>Định mức kinh tế kỹ thuật của 05 mô hình quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ sống hoặc tỷ lệ sinh sản của 05 mô hình: + Vịt hướng thịt $\geq 90\%$; + Vịt kiêm dụng $\geq 90\%$; + Vịt biên $\geq 90\%$; + Vịt xiêm (ngang) $\geq 90\%$; + Vịt trời $\geq 90\%$; - Trọng lượng xuất chuồng hoặc năng suất sinh sản của 05 mô hình: + Vịt hướng thịt $\geq 3,2$ kg/con; + Vịt kiêm dụng $\geq 1,8$ kg/con; + Vịt biên $\geq 2,5$ kg/con; + Vịt xiêm (ngang): 2,4 - 	<p>3. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ sống hoặc tỷ lệ sinh sản: + Vịt hướng thịt $\geq 90\%$; + Vịt kiêm dụng $\geq 90\%$; + Vịt biên $\geq 90\%$; + Vịt xiêm (ngang) $\geq 90\%$; + Vịt trời $\geq 90\%$; - Trọng lượng xuất chuồng hoặc năng suất sinh sản: + Vịt hướng thịt $\geq 3,2$ kg/con; + Vịt kiêm dụng $\geq 1,8$ kg/con; + Vịt biên $\geq 2,5$ kg/con; + Vịt xiêm (ngang): 2,4 - 4 kg/con; 	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		4 kg/con; + Vịt trời $\geq 1,2$ kg/con; - Định mức triển khai về thời gian triển khai của 05 mô hình: 05 tháng	+ Vịt trời $\geq 1,2$ kg/con; 4. Thời gian thực hiện: 05 tháng	
b) Định mức lao động				
Không quy định	Không quy định	Không quy định - Định mức triển khai của 05 mô hình: + Thời gian triển khai: 05 tháng + Cán bộ chỉ đạo: 01 người + Quy mô: 1.000 – 2.000 con/hộ	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng) 2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 05 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c) Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	c) Định mức máy móc, thiết bị	
d) Định mức giống, vật tư				
Không quy định	Không quy định	Định mức kinh tế kỹ thuật của 05 mô hình quy định: - Con giống: 01 ngày tuổi	1. Giống: 01 ngày tuổi, giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		<p>- Quy mô (100 con/hộ): + Vịt hướng thịt, Vịt kiêm dụng, Vịt biên: 10 – 20; + Vịt xiêm (ngang), Vịt trời: 5 - 10</p>		
		<p>- Thức ăn hỗn hợp của 05 mô hình: * Vịt hướng thịt: - Giai đoạn 1: 1,6 kg/con (Protein \geq 20 %); - Giai đoạn 2: 07 kg/con (Protein \geq 17 %) * Vịt kiêm dụng: - Giai đoạn 1: 01 kg (Protein \geq 20 %); - Giai đoạn 2: 4,4 kg/con (Protein \geq 17 %) * Vịt biên: - Giai đoạn 1: 1,2 kg/con (Protein \geq 20 %); - Giai đoạn 2: 5,8 kg/con (Protein \geq 17 %) * Vịt xiêm (ngang): - Giai đoạn 1: 1,4 kg/con (Protein \geq 20 %); - Giai đoạn 2: 08 kg/con</p>	<p>2. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh: * Vịt hướng thịt: 8,6 kg/con - Giai đoạn 1: 1,6 kg/con (Protein \geq 20 %); - Giai đoạn 2: 07 kg/con (Protein \geq 17 %) * Vịt kiêm dụng: 5,4 kg/con - Giai đoạn 1: 01 kg (Protein \geq 20 %); - Giai đoạn 2: 4,4 kg/con (Protein \geq 17 %) * Vịt biên: 07 kg/con - Giai đoạn 1: 1,2 kg/con (Protein \geq 20 %); - Giai đoạn 2: 5,8 kg/con (Protein \geq 17 %) * Vịt xiêm (ngang): 9,4 kg/con</p>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		(Protein \geq 17 %) * Vịt trời: - Giai đoạn 1: 1,5 kg/con (Protein \geq 20 %); - Giai đoạn 2: 4,3 kg/con (Protein \geq 17 %)	- Giai đoạn 1: 1,4 kg/con (Protein \geq 20 %); - Giai đoạn 2: 08 kg/con (Protein \geq 17 %) * Vịt trời: 5,8 kg/con - Giai đoạn 1: 1,5 kg/con (Protein \geq 20 %); - Giai đoạn 2: 4,3 kg/con (Protein \geq 17 %)	
		- Vaccine cho cả 05 mô hình: 04 liều/con (Dịch tả: 02, Viêm gan: 01; Cúm GC: 01)	3. Vắc-xin: 04 liều/con (Dịch tả: 02, Viêm gan: 01; Cúm GC: 01)	
		- Thuốc sát trùng của 05 mô hình: 0,5 (lít/con)	4. Hóa chất sát trùng: 0,5 lít/con (Dung dịch pha loãng theo quy định)	
		- Chế phẩm sinh học của 05 mô hình: 0,1 kg, lit/con	- Chế phẩm sinh học: 0,1 kg, lit/con (Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật).	
		- Thú y của 05 mô hình: + Vịt hướng thịt, Vịt kiêm dụng, Vịt biển, Vịt xiêm (ngang) \leq 07 (1.000 đồng/con) + Vịt trời \leq 05 (1.000	- Thú y: + Vịt hướng thịt \leq 07 (1.000 đồng/con); + Vịt kiêm dụng \leq 07 (1.000 đồng/con); + Vịt biển \leq 07 (1.000	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		đồng/con)	đồng/con); + Vịt xiêm (ngang) ≤ 07 (1.000 đồng/con) + Vịt trời ≤ 05 (1.000 đồng/con)	
đ) Định mức triển khai				
Không quy định	Không quy định	- Tập huấn kỹ thuật: 01 lần - Tham quan hoặc hội thảo đầu bờ: 01 lần	1. Tập huấn kỹ thuật - Số lần: <u>1-2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)	Đề xuất kế thừa bố cục và bổ sung thêm Hội nghị sơ kết, Biên mô hình tại đ) Định mức triển khai để phù hợp với bố cục tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
		- Hội nghị tổng kết: 01 lần	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)	
		Không quy định	3. Biên mô hình: ≤ 10 cái	
12. Mô hình Chăn nuôi vịt thương phẩm				
Tên Mô hình				
Không quy định	3. Chăn nuôi vịt thương phẩm	Không quy định	Mô hình Chăn nuôi vịt thương phẩm	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình Chăn nuôi vịt thương phẩm” theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND vì

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
				đây là mô hình duy nhất ở cả 03 tỉnh trước sáp nhập.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	<p>a) Yêu cầu chung</p> <p>1. Đối tượng: Vịt: Vịt hướng thịt; Vịt kiêm dụng; Vịt biển; Vịt xiêm (ngan Pháp).</p> <p>2. Kỹ thuật, công nghệ áp dụng: Nuôi thương phẩm. Áp dụng kỹ thuật chăn nuôi vịt theo hướng an toàn sinh học/VietGAHP</p> <p>3. Yêu cầu về kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ nuôi sống đến lúc xuất chuồng (%) $\geq 92\%$ - Trọng lượng xuất chuồng + Vịt hướng thịt $\geq 2,5\text{kg}/10$ tuần tuổi + Vịt kiêm dụng $\geq 3\text{kg}/8$ tuần tuổi + Vịt biển $\geq 2,6\text{kg}/10$ tuần tuổi + Vịt xiêm (ngan Pháp) $\geq 2,5\text{kg}$ (mái), $\geq 4,0$ kg 	- Tham khảo Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật cho hoạt động khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
	a) Định mức lao động 2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: <u>05 tháng/cán bộ</u> (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp). II. Định mức triển khai Không quy định I. Định mức kinh tế kỹ thuật II. Định mức triển khai		(trồng)/11 tuần tuổi - Thời gian triển khai: 05 tháng b) Định mức lao động c) Định mức máy móc, thiết bị d) Định mức giống, vật tư đ) Định mức triển khai	Kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND; kế thừa bố cục và bổ sung thêm Hội nghị sơ kết, Biên mô hình tại đ) Định mức triển khai để phù hợp với bố cục tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
13. Mô hình Chăn nuôi vịt sinh sản theo hướng hữu cơ				
Tên Mô hình				
Không quy định	Không quy định	1. Mô hình Chăn nuôi gà, vịt, chim a) Mô hình chăn nuôi gà, vịt - Vịt hướng thịt (sinh sản	Mô hình Chăn nuôi vịt sinh sản theo hướng hữu cơ	Đề xuất lấy tên “Mô hình Chăn nuôi vịt sinh sản theo hướng hữu cơ”, theo đó gom danh mục con giống, thức ăn,... của 03 mô hình

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		theo hướng hữu cơ) - Vịt hướng trứng (sinh sản theo hướng hữu cơ) - Vịt kiêm dụng (sinh sản theo hướng hữu cơ)		đưa chung thành 01 mô hình để thể hiện rõ Mô hình Chăn nuôi vịt thương phẩm theo hướng hữu cơ nhưng nội dung vẫn thể hiện đầy đủ hạng mục hỗ trợ: Vịt hướng thịt, vịt kiêm dụng, Vịt hướng trứng,...
a) Yêu cầu chung				- Đề xuất kế thừa bộ cục theo Quyết định số 64/2022/QĐ-UBND, kế thừa nội dung của 03 mô hình theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
		Đối tượng: - Vịt hướng thịt; - Vịt hướng trứng; - Vịt kiêm dụng;	1. Đối tượng: - Vịt hướng thịt; - Vịt hướng trứng; - Vịt kiêm dụng.	
		- Hình thức nuôi: sinh sản theo hướng hữu cơ	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Nuôi sinh sản theo hướng hữu cơ	
		Định mức kinh tế kỹ thuật của 03 mô hình quy định: - Tỷ lệ sống hoặc tỷ lệ sinh sản của 03 mô hình: + Vịt hướng thịt $\geq 80\%$; + Vịt hướng trứng $\geq 90\%$; + Vịt kiêm dụng $\geq 80\%$; - Tỷ lệ xuất chuồng hoặc năng suất sinh sản của 03	3. Yêu cầu về kỹ thuật: - Tỷ lệ sống hoặc tỷ lệ sinh sản: + Vịt hướng thịt $\geq 80\%$; + Vịt hướng trứng $\geq 90\%$; + Vịt kiêm dụng $\geq 80\%$; - Tỷ lệ xuất chuồng hoặc năng suất sinh sản của 03 mô hình:	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		mô hình: + Vịt hướng thịt ≥ 180 quả/mái/năm. + Vịt hướng trứng ≥ 250 quả/mái/năm. + Vịt kiêm dụng ≥ 230 quả/mái/năm.	+ Vịt hướng thịt ≥ 180 quả/mái/năm. + Vịt hướng trứng ≥ 250 quả/mái/năm. + Vịt kiêm dụng ≥ 230 quả/mái/năm.	
		- Định mức triển khai về thời gian triển khai của 03 mô hình: 18 tháng	4. Thời gian thực hiện: 18 tháng	
b) Định mức lao động				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	
		- Định mức triển khai của 03 mô hình: + Thời gian triển khai: 18 tháng + Cán bộ chỉ đạo: 01 người + Quy mô: 1.000 – 2.000 con/hộ	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 18 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c) Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	c) Định mức máy móc, thiết bị	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
d) Định mức giống, vật tư				
Không quy định	Không quy định	<p>Định mức kinh tế kỹ thuật của 03 mô hình quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Con giống: 01 ngày tuổi - Quy mô (100 con/hộ): 10-15 	<p>1. Giống: 01 ngày tuổi, giống được công nhận TBKT, công bố TCCS hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật</p>	
		<ul style="list-style-type: none"> - Thức ăn hỗn hợp của 03 mô hình: * Vịt hướng thịt: <ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn 1: 05 kg/con (Protein \geq 19 %); - Giai đoạn 2: 25 kg/con (Protein \geq 14 %) * Vịt hướng trứng: <ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn 1: 2,8 kg/con (Protein \geq 20 %); - Giai đoạn 2: 9,5 kg/con (Protein \geq 15 %) * Vịt kiêm dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn 1: 3,5 kg/con (Protein \geq 18 %); - Giai đoạn 2: 16 kg/con (Protein \geq 13 %) 	<p>2. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Vịt hướng thịt: 30 kg/con <ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn 1: 05 kg/con (Protein \geq 19 %); - Giai đoạn 2: 25 kg/con (Protein \geq 14 %) * Vịt hướng trứng: 12,3 kg/con <ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn 1: 2,8 kg/con (Protein \geq 20 %); - Giai đoạn 2: 9,5 kg/con (Protein \geq 15 %) * Vịt kiêm dụng: 19,5 kg/con <ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn 1: 3,5 kg/con (Protein \geq 18 %); - Giai đoạn 2: 16 kg/con 	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
			(Protein \geq 13 %)	
		- Vaccine cho cả 03 mô hình: 04 liều/con (Dịch tả (2), Viêm gan (1), Cúm GC (1)).	3. Vaccine: 04 liều/con (Dịch tả: 02, Viêm gan: 01; Cúm GC: 01)	- Đề xuất kế thừa nội dung của phần ghi chú Vắc xin vịt sinh sản: Dịch tả (2), Viêm gan (1), Cúm GC (1) theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. Giữa phân định mức và phân diễn giải chưa có sự thống nhất do đó đề xuất lựa chọn phân diễn giải vì thể hiện rõ số liều, chủng vaccine tiêm ngừa.
		- Thuốc sát trùng của 03 mô hình: 2,5 (lít/con)	4. Hóa chất sát trùng: 2,5 lít/con (Dung dịch pha loãng theo quy định)	Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2022/QĐ-UBND, kế thừa nội dung của 03 mô hình theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
		- Chế phẩm sinh học của 03 mô hình: 0,05 kg, lít/con	- Chế phẩm sinh học: 0,05 kg, lít/con (Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật).	
		- Thú y của 03 mô hình: Vịt hướng thịt, Vịt hướng trứng, Vịt kiêm dụng : \leq 10 (1.000 đồng/con)	- Thú y: \leq 10 (1.000 đồng/con)	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
đ) Định mức triển khai				
Không quy định	Không quy định	- Tập huấn kỹ thuật: 02 lần - Tham quan hoặc hội thảo đầu bờ: 01 lần	1. Tập huấn kỹ thuật - Số lần: <u>1-2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)	Đề xuất kế thừa bố cục và bổ sung thêm Hội nghị sơ kết, Biên mô hình để phù hợp với bố cục tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
		- Hội nghị tổng kết: 01 lần	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)	
		Không quy định	3. Biên mô hình: ≤ 10 cái	
14. Mô hình Chăn nuôi vịt sinh sản				
Tên Mô hình				
Không quy định	4. Chăn nuôi vịt sinh sản	Không quy định	Mô hình Chăn nuôi vịt sinh sản	Đề xuất kế thừa tên “Mô hình Chăn nuôi vịt sinh sản” theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND vì đây là mô hình duy nhất về chăn nuôi vịt sinh sản ở cả 03 tỉnh trước sáp nhập.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a) Yêu cầu chung	- Tham khảo nội dung theo

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
	<p>a) Định mức lao động</p> <p>2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: <u>18 tháng/cán bộ</u> (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp).</p>		<p>1. Đối tượng: Vịt sinh sản</p> <p>2. Kỹ thuật, công nghệ áp dụng: Nuôi sinh sản. Áp dụng kỹ thuật chăn nuôi vịt theo hướng an toàn sinh học/VietGAHP</p> <p>3. Yêu cầu về kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ nuôi sống đến lúc đẻ (%) $\geq 85\%$ - Năng suất trứng trên mái (trứng/mái/năm) + Vịt hướng thịt ≥ 180 + Vịt hướng trứng ≥ 250 + Vịt kiêm dụng ≥ 140 + Vịt xiêm (ngan Pháp) ≥ 110 - Thời gian triển khai: 18 tháng 	<p>Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh</p> <p>- Đề xuất kế thừa bộ cục và bổ sung thêm Hội nghị sơ kết, Biên mô hình để phù hợp với bộ cục tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND, kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.</p>
	II. Định mức triển khai		b) Định mức lao động	
	Không quy định		c) Định mức máy móc, thiết bị	
	I. Định mức kinh tế kỹ thuật		d) Định mức giống, vật tư	
	II. Định mức triển khai		đ) Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
15. Mô hình Chăn nuôi bò sữa ứng dụng công nghệ cao				
Tên Mô hình				
XII. Mô hình Chăn nuôi bò sữa ứng dụng công nghệ cao (HCMCN042312)	Không quy định	Không quy định	Mô hình Chăn nuôi bò sữa ứng dụng công nghệ cao	Đề xuất kế thừa tên “Mô hình Chăn nuôi bò sữa ứng dụng công nghệ cao” theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. Vì đây là mô hình duy nhất về chăn nuôi bò sữa ứng dụng công nghệ cao và là mô hình duy nhất của cả 03 tỉnh trước sáp nhập.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
1. Yêu cầu chung 2. Định mức lao động 3. Định mức máy móc, thiết bị 4. Định mức giống, vật tư 5. Định mức triển khai	Không quy định	Không quy định	a) Yêu cầu chung b) Định mức lao động c) Định mức máy móc, thiết bị d) Định mức giống, vật tư đ) Định mức triển khai	Đề xuất kế thừa theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND vì đây là mô hình duy nhất về chăn nuôi bò sữa ứng dụng công nghệ cao.
16. Mô hình áp dụng khẩu phần TMR trong chăn nuôi bò sữa				
Tên Mô hình				
XV. Mô hình áp dụng khẩu phần TMR trong chăn nuôi bò sữa (HCMCN052315)	Không quy định	Không quy định	Mô hình áp dụng khẩu phần TMR trong chăn nuôi bò sữa	Đề xuất kế thừa tên “Mô hình áp dụng khẩu phần TMR trong chăn nuôi bò sữa” theo Quyết định số
Các nội dung theo ĐMKTKT				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU		
1. Yêu cầu chung 2. Định mức lao động 3. Định mức máy móc, thiết bị 4. Định mức giống, vật tư 5. Định mức triển khai	Không quy định	Không quy định	a) Yêu cầu chung b) Định mức lao động c) Định mức máy móc, thiết bị d) Định mức giống, vật tư đ) Định mức triển khai	64/2024/QĐ-UBND. Đây là mô hình tiêu biểu có các hạng mục vật tư cần thiết để có thể phối trộn khẩu phần TMR và đây là mô hình duy nhất của cả 03 tỉnh trước sáp nhập
17. Mô hình chăn nuôi bò sữa				
Tên Mô hình				
XVII. Mô hình chăn nuôi bò sữa (HCMCN052317)	Chăn nuôi bò sữa	6. Một số mô hình khác c) Mô hình chăn nuôi bò sữa	Mô hình chăn nuôi bò sữa	Tên Định mức của cả 03 QĐ 64/2024/QĐ-UBND, 29/2024/QĐ-UBND và 18/2022/QĐ-UBND giống nhau. Do đó, thống nhất lấy tên “Mô hình chăn nuôi bò sữa” vì cả ba văn bản này cùng quy định về định mức kỹ thuật cho cùng một đối tượng sản xuất. Việc đồng nhất tên giúp đảm bảo tính nhất quán, dễ quản lý, áp dụng đúng quy chuẩn kỹ thuật.
a) Yêu cầu chung				
1. Yêu cầu chung	Không quy định	Không quy định	a) Yêu cầu chung	Các hạng mục hỗ trợ của

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
1. Đối tượng 2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng 3. Yêu cầu về kỹ thuật 4. Thời gian thực hiện			1. Đối tượng 2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng 3. Yêu cầu về kỹ thuật 4. Thời gian thực hiện	cả 03 Quyết định đều giống nhau do đó Đề xuất kế thừa nội dung, bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
b) Định mức lao động				
2. Định mức lao động	a) Định mức lao động	Không quy định	b) Định mức lao động	
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>dự án (Người dân đối ứng)</u>	Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 18 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp) Ghi chú: <u>1-2 cán bộ</u>	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 18 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: <u>Quy mô 50 con</u>	II. Định mức triển khai - Cán bộ chỉ đạo: <u>01 người</u> - Quy mô: <u>4-10 con/hộ</u>	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 18 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp) Ghi chú: <u>1-2 cán bộ</u>	
c) Định mức máy móc, thiết bị				
3. Định mức máy móc, thiết bị - Máy băm thái cỏ - Máy trộn thức ăn	b) Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trang trại chăn nuôi) - Máy băm thái cỏ - Máy trộn thức ăn	Không quy định	c) Định mức máy móc, thiết bị - Máy băm thái cỏ - Máy trộn thức ăn	
d) Định mức giống, vật tư				
4. Định mức giống, vật tư	c) Định mức giống, vật tư	I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d) Định mức giống, vật tư	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
1. Giống 2. Tinh đông lạnh 3. TAHH cho bò cái chữa 4. Tàng đá liếm 5. Nguyên liệu ủ chua thức ăn xanh (1 tấn cỏ) Cám gạo, bột ngô hoặc bột sắn Muối ăn Ủ bằng bể ủ/hố ủ Bạt lót bể ủ/hố ủ Ủ bằng túi ủ Túi nilon ủ: Rộng 1,6m, dài 2,5, dày 0,1 mm	1. Giống 2. Tinh đông lạnh 3. TAHH cho bò cái chữa 4. Tàng đá liếm 5. Nguyên liệu ủ chua thức ăn xanh (1 tấn cỏ) Cám gạo, bột ngô hoặc bột sắn Muối ăn Ủ bằng bể ủ/hố ủ Bạt lót bể ủ/hố ủ Ủ bằng túi ủ Túi nilon ủ: Rộng 1,6m, dài 2,5, dày 0,1 mm	Tinh đông lạnh Thức ăn hỗn hợp cho bò cái chữa Tàng đá liếm Nguyên liệu thức ăn ủ xanh Cỏ tươi: 01 tấn Cám gạo, bột ngô hoặc bột sắn Muối ăn Bạt (Ủ bằng bể ủ hoặc hố ủ) Túi ủ (Ủ bằng túi ủ)	1. Giống 2. Tinh đông lạnh 3. TAHH cho bò cái chữa 4. Tàng đá liếm 5. Nguyên liệu ủ chua thức ăn xanh (1 tấn cỏ) Cám gạo, bột ngô hoặc bột sắn Muối ăn Ủ bằng bể ủ/hố ủ Bạt lót bể ủ/hố ủ Ủ bằng túi ủ Túi nilon ủ: Rộng 1,6m, dài 2,5, dày 0,1 mm	
đ) Định mức triển khai				
5. Định mức triển khai	d) Định mức triển khai	II. Định mức triển khai	đ) Định mức triển khai	
1. Tập huấn kỹ thuật - Số lần: <u>1-2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)	1. Tập huấn kỹ thuật - Số lần: <u>2 lần</u> (Số lượng \leq 30 người/lớp) - Thời gian: 01 ngày	- Tập huấn kỹ thuật: 02 lần - Tham quan hoặc hội thảo đầu bờ: 01 lần	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: <u>1-2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)	
2. Hội nghị sơ kết, tổng kết	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết	- Hội nghị tổng kết: 01 lần	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
- Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)	- Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)		- Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)	
3. Biên mô hình: ≤ 05 cái	Không quy định	Không quy định	3. Biên mô hình: ≤ 05 cái	
18. Mô hình chăn nuôi bò thịt lai giống ngoại				
Tên Mô hình				
XIV. Mô hình chăn nuôi bò thịt lai giống ngoại (HCMCN052214)	10. Vỗ béo trâu, bò	4. Mô hình chăn nuôi bò - Bò đực, cái (vỗ béo)	Mô hình chăn nuôi bò thịt lai giống ngoại	Đề xuất kế thừa tên “Mô hình chăn nuôi bò thịt lai giống ngoại” theo QĐ 64/2024/QĐ-UBND vì mô hình này bao hàm cả 03 giai đoạn phát triển của bò lai giống ngoại: giai đoạn cái sữa đến 12 tháng tuổi; giai đoạn từ 13 đến 18 tháng tuổi và giai đoạn vỗ béo; còn mô hình tại số 29/2024/QĐ-UBND và 18/2022/QĐ-UBND chỉ có 01 giai đoạn vỗ béo. Đồng thời tách “Mô hình Vỗ béo trâu, bò” ra thành “Mô hình Vỗ béo trâu” riêng biệt.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU		
a) Yêu cầu chung				
<p>1. Yêu cầu chung</p> <p>1. Đối tượng: Bê lai giống ngoại (BBB, Red Angus, Charolais, Droughtmaster, Brahman...) giai đoạn cai sữa đến 12 tháng tuổi, giai đoạn 13 đến 18 tháng tuổi và giai đoạn vỗ béo (trọng lượng đưa vào vỗ béo \geq 400 kg)</p>	<p>Đối tượng bò, trâu đưa vào vỗ béo theo QĐ 294, 295/QĐ-CN-MTCN ngày 23 tháng 9 năm 2020 hướng dẫn kỹ thuật vỗ béo bò, trâu trước khi giết thịt.</p>	<p>Đối tượng: Bò đực, cái</p> <p>Con giống bò đực, cái đưa vào vỗ béo \geq 140 kg/con</p>	<p>a) Yêu cầu chung</p> <p>1. Đối tượng: Bê lai giống ngoại (BBB, Red Angus, Charolais, Droughtmaster, Brahman...) giai đoạn cai sữa đến 12 tháng tuổi, giai đoạn 13 đến 18 tháng tuổi và giai đoạn vỗ béo (trọng lượng đưa vào vỗ béo \geq 400 kg; Đối tượng bò đưa vào vỗ béo theo QĐ 294/QĐ-CN-MTCN ngày 23 tháng 9 năm 2020 hướng dẫn kỹ thuật vỗ béo bò trước khi giết thịt)</p>	<p>Đề xuất kế thừa nội dung, bổ cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.</p>
<p>2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng</p> <p>Áp dụng khẩu phần ăn phù hợp với từng giai đoạn phát triển của bê, bò</p>	Không quy định	Không quy định	<p>2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng</p> <p>Áp dụng khẩu phần ăn phù hợp với từng giai đoạn phát triển của bê, bò</p>	
<p>3. Yêu cầu về kỹ thuật</p> <p>Tăng trọng bình quân: \geq 0,7 kg/con/ngày</p>	Không quy định	<p>Năng suất</p> <p>Tăng trọng \geq 700g/con/ngày</p>	<p>3. Yêu cầu về kỹ thuật</p> <p>Tăng trọng bình quân: \geq 0,7 kg/con/ngày</p>	
<p>4. Thời gian thực hiện</p>			<p>4. Thời gian thực hiện</p>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
18 tháng, gồm 03 giai đoạn triển khai: - Giai đoạn cai sữa đến 12 tháng tuổi: 07 tháng - Giai đoạn từ 13 đến 18 tháng tuổi: 07 tháng - Giai đoạn vỗ béo: 04 tháng	Định mức lao động: 05 tháng/cán bộ Quy mô: 50-70 con	Định mức triển khai: 04 tháng/cán bộ Quy mô: 01-10 con/hộ	18 tháng, gồm 03 giai đoạn triển khai: - Giai đoạn cai sữa đến 12 tháng tuổi: 07 tháng - Giai đoạn từ 13 đến 18 tháng tuổi: 07 tháng - Giai đoạn vỗ béo: 04 tháng	
b) Định mức lao động				
2. Định mức lao động	a) Định mức lao động	Không quy định	b) Định mức lao động	
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án (Người dân đối ứng)	Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 18 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp) Ghi chú: <u>1-2 cán bộ</u>	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 18 tháng/cán bộ (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: <u>Quy mô 50-70 con</u>	II. Định mức triển khai - Cán bộ chỉ đạo: <u>01 người</u> - Quy mô: <u>1-10 con/hộ</u>	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 18 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp) Ghi chú: <u>1-2 cán bộ</u>	
c) Định mức máy móc, thiết bị				
3. Định mức máy móc, thiết bị	b) Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trang trại chăn nuôi)	Không quy định	c) Định mức máy móc, thiết bị	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
	- Máy băm thái cỏ - Máy trộn thức ăn (Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị)			
d) Định mức giống, vật tư				
4. Định mức giống, vật tư	c) Định mức giống, thiết bị, vật tư 1. Giống (Đối tượng bò, trâu đưa vào vỗ béo theo QĐ 294, 295/QĐ-CN-MTCN ngày 23 tháng 9 năm 2020 hướng dẫn kỹ thuật vỗ béo bò, trâu trước khi giết thịt.) 2. Thuốc tẩy ngoại KST: 01 liều/con 3. Thuốc tẩy nội KST: 01 liều/con	I. Định mức kinh tế kỹ thuật 1. Con giống (kg/con) \geq 140 2. TKST (liều/con): 03	d) Định mức giống, vật tư	
I. Giai đoạn cai sữa đến 12 tháng tuổi 1. Thức ăn hỗn hợp: 300 kg (Bổ sung bình quân 1,7 kg/con/ngày) 2. Chất bổ sung: 7,2 kg (Vitamin, khoáng...) (Bổ			I. Giai đoạn cai sữa đến 12 tháng tuổi 1. Thức ăn hỗn hợp: 300 kg (Bổ sung bình quân 1,7 kg/con/ngày) 2. Chất bổ sung: 7,2 kg (Vitamin, khoáng...) (Bổ	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
sung bình quân 40 g/con/ngày)			sung bình quân 40 g/con/ngày)	
II. Giai đoạn từ 13 đến 18 tháng tuổi 1. Thức ăn hỗn hợp: 534 kg (Bổ sung bình quân 3 kg/con/ngày) 2. Chất bổ sung: 8,4 kg (Vitamin, khoáng...) (Bổ sung bình quân 40 g/con/ngày)			II. Giai đoạn từ 13 đến 18 tháng tuổi 1. Thức ăn hỗn hợp: 534 kg (Bổ sung bình quân 3 kg/con/ngày) 2. Chất bổ sung: 8,4 kg (Vitamin, khoáng...) (Bổ sung bình quân 40 g/con/ngày)	
III. Giai đoạn vỗ béo 1. Thức ăn hỗn hợp: 378 kg (Bổ sung bình quân 3 kg/con/ngày) 2. Chất bổ sung: 3,6 kg (Vitamin, khoáng...) (Bổ sung bình quân 40 g/con/ngày)	4. Thức ăn hỗn hợp: 270 kg/con (Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án)	TĂHH: 03 kg/con/ngày (Protein \geq 16%)	III. Giai đoạn vỗ béo 1. Thức ăn hỗn hợp: 378 kg (Bổ sung bình quân 3 kg/con/ngày) 2. Chất bổ sung: 3,6 kg (Vitamin, khoáng...) (Bổ sung bình quân 40 g/con/ngày)	
	5. Vỗ béo trâu, bò thịt và xử lý môi trường bằng chế phẩm sinh học - Nguyên liệu làm đệm lót: 900 kg/con (Từ phụ phẩm nông nghiệp: Rơm, trấu...)	- Điện lót: 900 kg/con		

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
	- Chế phẩm vi sinh: 0,75 kg/con (Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định pháp luật)	- CPSH: 0,75 lit/con		
đ) Định mức triển khai				
5. Định mức triển khai	d) Định mức triển khai	II. Định mức triển khai	đ) Định mức triển khai	
1. Tập huấn kỹ thuật - Số lần: <u>1-2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)	1. Tập huấn kỹ thuật - Số lần: <u>1 lần</u> (Số lượng ≤ 30 người/lớp) - Thời gian: 01 ngày	- Tập huấn kỹ thuật: <u>01 lần</u> - Tham quan hoặc hội thảo đầu bờ: 01 lần	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: <u>1-2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)	
2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)	- Hội nghị tổng kết: 01 lần - Tham quan hoặc hội thảo đầu bờ: 01 lần	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)	
3. Biên mô hình: ≤ 10 cái	Không quy định	Không quy định	3. Biên mô hình: ≤ 10 cái	
19. Mô hình cải tạo đàn trâu, bò bằng thụ tinh nhân tạo				
Tên mô hình				
Không quy định	12. Cải tạo đàn trâu bò bằng thụ tinh nhân tạo	6. Một số mô hình khác b) Mô hình cải tạo đàn bò bằng thụ tinh nhân tạo	Mô hình cải tạo đàn trâu, bò bằng thụ tinh nhân tạo	Tên Định mức của QĐ 29/2024/QĐ-UBND bao hàm đối tượng hỗ trợ là trâu

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
				và bò; còn QĐ 18/2022/QĐ-UBND chỉ hỗ trợ cho đối tượng bò. Do đó, đề xuất lấy tên “Mô hình cải tạo đàn trâu, bò bằng thụ tinh nhân tạo” giúp thể hiện đủ đối tượng cần hỗ trợ khi tham gia mô hình
a) Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a) Yêu cầu chung 1. Đối tượng: - Trâu cái, Bò cái trong giai đoạn sinh sản	Đề xuất kế thừa nội dung, bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả. - Bổ sung các nội dung tại Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng và Yêu cầu về kỹ thuật phù hợp với nhu cầu của mô hình trong công tác thụ tinh nhân tạo. Tham khảo Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây
			2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng Thụ tinh nhân tạo	
			3. Yêu cầu về kỹ thuật - Chuồng trại đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình; - Thức ăn và mật độ nuôi phù hợp - Tỷ lệ có chửa/tổng số trâu, bò phối giống $\geq 70\%$ - Tỷ lệ bê, nghé nuôi sống đến 6 tháng tuổi $\geq 93\%$ - Khối lượng bê, nghé sơ	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
			sinh \geq 20kg	Ninh về Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật cho hoạt động khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh Đồng thời điều chỉnh số lượng Bình Nitơ và Súng bắn tinh nhằm đồng bộ trong kỹ thuật thụ tinh nhân tạo.
	Định mức lao động: 18 tháng/cán bộ	II. Định mức triển khai Thời gian triển khai: 18 tháng	4. Thời gian thực hiện: 18 tháng	
b) Định mức lao động				
Không quy định	a) Định mức lao động	Không quy định	b) Định mức lao động	
	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>đự án (Người dân đối ứng)</u>	Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 18 tháng/cán bộ (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: <u>Quy mô 50-70 con</u>	II. Định mức triển khai - Cán bộ chỉ đạo: <u>01 người</u> - Quy mô: <u>1/huyện</u>	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 18 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp) Ghi chú: <u>1-2 cán bộ</u>	
c) Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	b) Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trang trại chăn nuôi) - Máy băm thái cỏ - Máy trộn thức ăn (Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị)	Không quy định	c) Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trang trại chăn nuôi) - Máy băm thái cỏ - Máy trộn thức ăn (Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị)	
d) Định mức giống, vật tư				
Không quy định	c) Định mức giống, vật tư	I. Định mức kinh tế kỹ	d) Định mức giống, vật tư	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU		
		thuật		
	<p>1. Giống (Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS)</p> <p>2. Tinh đông lạnh: 02 liều/con</p> <p>3. Ni tơ lỏng: 02 lít/con</p> <p>4. Găng tay, ống gen: 02 bộ/con</p> <p>5. TAHH cho bò cái có chữa: 540 kg/con (Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án)</p> <p>6. TAHH cho trâu cái có chữa: 660 kg/con (Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án)</p> <p>7. Tăng đá liếm: 03kg/con</p> <p>8. Bình Nitơ 3,5 -3,7 lít: 02 cái/huyện</p> <p>9. Súng bắn tinh: 06 cái/huyện</p>	<p>- Giống: không quy định</p> <p>- Tinh đông lạnh: 02 liều/con (Tinh bò đực giống ngoại hoặc lai có trong danh mục giống được phép SXKD)</p> <p>- Ni tơ lỏng: 02 lít/con</p> <p>- Găng tay, ống gen: 02 bộ/con</p> <p>- TAHH cho bò cái có chữa: 540 kg/con (Hàm lượng Protein thô \geq 14%)</p> <p>- Bình đựng Nitơ 35 lít: 01 cái/huyện</p> <p>- Bình Nitơ 3,5 -3,7 lít: 02 cái/huyện</p> <p>- Súng bắn tinh: 02 cái/huyện</p>	<p>1. Giống (Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS)</p> <p>2. Tinh đông lạnh: 02 liều/con (Tinh bò đực, trâu đực giống ngoại hoặc lai có trong danh mục giống được phép SXKD)</p> <p>3. Ni tơ lỏng: 02 lít/con</p> <p>4. Găng tay, ống gen: 02 bộ/con</p> <p>5. TAHH cho bò cái có chữa: 540 kg/con (Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình)</p> <p>6. TAHH cho trâu cái có chữa: 660 kg/con (Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án)</p> <p>7. Tăng đá liếm: 03kg/con</p> <p>8. Bình Nitơ 3,5 -3,7 lít: 06 cái (Áp dụng cho mô hình có quy mô \geq 50 con)</p> <p>9. Súng bắn tinh: 06 cái (Áp dụng cho mô hình có</p>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
			quy mô ≥ 50 con)	
đ) Định mức triển khai				
Không quy định	d) Định mức triển khai	II. Định mức triển khai	đ) Định mức triển khai	Đề xuất kế thừa nội dung, bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
	1. Tập huấn kỹ thuật - Số lần: <u>2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (Số lượng ≤ 30 người/lớp)	- Tập huấn kỹ thuật: <u>01 lần</u> - Tham quan hoặc hội thảo đầu bờ: 01 lần	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: <u>1-2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)	
	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN/MH - Hội nghị tổng kết: 01 HN	- Hội nghị tổng kết: 01 lần - Tham quan hoặc hội thảo đầu bờ: 01 lần	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)	
	Không quy định	Không quy định	3. Biên mô hình: ≤ 10 cái	
20. Mô hình chăn nuôi trâu bò sinh sản				
Tên mô hình				
XIII. Mô hình Chăn nuôi bò sinh sản hướng thịt (HCMCN052213)	11. Chăn nuôi trâu, bò sinh sản	4. Mô hình chăn nuôi bò - Bò đực sinh sản - Bò cái sinh sản	Mô hình Chăn nuôi trâu, bò sinh sản	Việc gom 03 tên của 03 Quyết định 64/2024/QĐ-UBND, Quyết định 29/2024/QĐ-UBND, Quyết định 18/2024/QĐ-UBND là hoàn toàn hợp lý và khoa học vì Cụm từ

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU		
				"Trâu, bò" bao hàm tất cả các loại gia súc lớn phổ biến trong nông nghiệp. Việc gộp chung giúp tránh lặp lại các quy trình kỹ thuật tương đồng.
a) Yêu cầu chung				
<p>1. Yêu cầu chung</p> <p>1. Đối tượng: Bò cái nên thuộc các giống lai có tuổi phối giống lần đầu \geq 18 tháng, khối lượng \geq 280kg/con</p>	Không quy định	<p>Đối tượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bò đực sinh sản (Năng suất): 01 đực đảm bảo phối chữa cho 40 cái - Bò cái sinh sản (Năng suất): Tỷ lệ có chữa/tổng số bò phối giống \geq 65% 	<p>a) Yêu cầu chung</p> <p>1. Đối tượng: Trâu cái, Bò cái trong giai đoạn sinh sản</p>	<p>Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. Về đối tượng, đề xuất gộp chung 02 đối tượng "Trâu, bò" nhằm mở rộng đối tượng hỗ trợ để phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN.</p>
<p>2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tinh giống bò thịt cao sản BBB, Red Angus, Charolais, Droughtmaster, Brahman - Áp dụng khẩu phần có bổ sung cám hỗn hợp cho bò mang thai và bê từ sơ sinh đến 06 tháng tuổi 		Không quy định	<p>Không quy định</p>	<p>2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng khẩu phần có bổ sung cám hỗn hợp cho trâu, bò mang thai.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
3. Yêu cầu về kỹ thuật Tăng trọng bình quân của bê từ sơ sinh đến cai sữa \geq 0,8 kg/con/ngày			3. Yêu cầu về kỹ thuật - Tỷ lệ nuôi sống bê đến 6 tháng tuổi \geq 93% - Tỷ lệ nuôi sống nghé đến 6 tháng tuổi \geq 93% - Khối lượng bê sơ sinh \geq 20 kg - Khối lượng nghé sơ sinh \geq 22 kg	đường. Tham khảo theo Quyết định số 54/QĐ/QĐ-BNN-KHCN ngày 09 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành tạm thời các định mức kỹ thuật áp dụng cho các mô hình thuộc dự án khuyến nông trung ương lĩnh vực chăn nuôi.
4. Thời gian thực hiện 12 tháng	Định mức lao động: 18 tháng/cán bộ	II. Định mức triển khai Thời gian triển khai: 18 tháng	4. Thời gian thực hiện: 18 tháng	Đề xuất kế thừa Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND, nội dung theo Quyết định 29/2024/QĐ-UBND, Quyết định 18/2024/QĐ-UBND, Quyết định 726/QĐ-BNN-KN.
b) Định mức lao động				
2. Định mức lao động	a) Định mức lao động	Không quy định	b) Định mức lao động	
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án (Người dân đối ứng)	Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 18 tháng/cán bộ (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp);	II. Định mức triển khai - Cán bộ chỉ đạo: 01 người	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 18 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH	
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU			
Ghi chú: <u>1-2 cán bộ</u>	Ghi chú: <u>Quy mô 10-20 cái, 2-5 con đực</u>	- Quy mô: <u>1-4 con/hộ</u>	Ghi chú: <u>1-2 cán bộ</u>		
c) Định mức máy móc, thiết bị					
3. Định mức máy móc, thiết bị	b) Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trang trại chăn nuôi) - Máy băm thái cỏ - Máy trộn thức ăn (Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị)	Không quy định	c) Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trang trại chăn nuôi) - Máy băm thái cỏ - Máy trộn thức ăn (Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị)	Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định 29/2024/QĐ-UBND nhằm phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN.	
d) Định mức giống, vật tư					
4. Định mức giống, vật tư	c) Định mức giống, vật tư	I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d) Định mức giống, vật tư		
1. Tinh giống: 02 liều (Tinh các giống bò thuần BBB, Red Angus, Charolais, Droughtmaster, Brahman...) 2. Cám hỗn hợp: 439kg (Bổ sung cho bê sơ sinh đến cai sữa bình quân 0,88kg/con/ngày: 159kg) 3. Chất bổ sung: 9,6kg	1. Giống (Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS) - Bò cái giống: 220kg/con - Trâu cái giống: 350kg/con 2. TAHH cho bò cái chữa (Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án): 540kg/con 3. TAHH cho trâu cái chữa	- Con giống: Bò đực \geq 300 kg Bò cái \geq 180 kg - TĂHH (kg/con/ngày): Bò đực: 03 kg (Protein \geq 14%) Bò cái: 02 kg (Protein \geq 14%)	1. Giống (Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật): 2. TAHH cho bò cái chữa (Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án): 540kg/con 3. TAHH cho trâu cái chữa		

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
vitamin, khoáng...(Bổ sung bình quân 40g/con/ngày)	(Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án): 660kg/con 4. Tăng đá liếm: 03kg/con	- Đá liếm (kg/con): 03	(Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình): 660kg/con 4. Tăng đá liếm: 03kg/con	
đ) Định mức triển khai				
5. Định mức triển khai	d) Định mức triển khai	II. Định mức triển khai	đ) Định mức triển khai	Đề xuất kế thừa nội dung, bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: <u>1-2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)	1. Tập huấn kỹ thuật - Số lần: <u>2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (Số lượng ≤ 30 người/lớp)	- Tập huấn kỹ thuật: <u>01 lần</u> - Tham quan hoặc hội thảo đầu bờ: 01 lần	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: <u>1-2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)	
2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN/MH - Hội nghị tổng kết: 01 HN	- Hội nghị tổng kết: 01 lần - Tham quan hoặc hội thảo đầu bờ: 01 lần	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)	
3. Biện mô hình: ≤ 5 cái	Không quy định	Không quy định	3. Biện mô hình: ≤ 10 cái	
21. Mô hình vỗ béo trâu				
Tên mô hình				
Không quy định	10. Vỗ béo trâu, bò	Không quy định	Mô hình Vỗ béo trâu	Mô hình vỗ béo trâu và bò được tách riêng vì chúng có đặc điểm sinh lý, tập tính, nhu cầu dinh dưỡng

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
				và mục tiêu kinh tế khác nhau. Do đó đã gom chung giai đoạn vỗ béo bò tại Mô hình Chăn nuôi bò thịt lai giống ngoại đã nêu trên.
a) Yêu cầu chung				
Không quy định	Đối tượng bò, trâu đưa vào vỗ béo theo QĐ 294, 295/QĐ-CN-MTCN ngày 23 tháng 9 năm 2020 hướng dẫn kỹ thuật vỗ béo bò, trâu trước khi giết thịt.	Không quy định	a) Yêu cầu chung 1. Đối tượng: Trâu đưa vào vỗ béo theo Quyết định số 295/QĐ-CN-MTCN ngày 23 tháng 9 năm 2020 hướng dẫn kỹ thuật vỗ béo trâu trước khi giết thịt.	Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND, kế thừa nội dung tại Quyết định 295/QĐ-CN-MTCN để phù hợp cho đối tượng chuyển giao
	Không quy định		2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng Áp dụng khẩu phần có bổ sung cám hỗn hợp cho trâu giai đoạn vỗ béo	
		3. Yêu cầu về kỹ thuật - Trâu nội: tăng trọng bình quân 700-900g/con/ngày; - Trâu lai 50% máu ngoại: tăng trọng bình quân 1.100-1.400 gam/con/ngày; - Trâu ngoại: tăng trọng		

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
	Định mức lao động: 05 tháng/cán bộ Quy mô: 50-70 con		<p>bình quân từ 1.400-1.600 gam/con/ngày</p> <p>4. Thời gian thực hiện: 05 tháng</p>	
b) Định mức lao động				
Không quy định	<p>a) Định mức lao động</p> <p>1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>dự án (Người dân đối ứng)</u></p> <p>2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 05 tháng/cán bộ (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: <u>Quy mô 50-70 con</u></p>	Không quy định	<p>b) Định mức lao động</p> <p>1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u></p> <p>2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: <u>05 tháng</u> (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp) Ghi chú: <u>1-2 cán bộ</u></p>	Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định 29/2024/QĐ-UBND nhằm phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN.
c) Định mức máy móc, thiết bị				
	<p>b) Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trang trại chăn nuôi)</p> <p>- Máy băm thái cỏ</p> <p>- Máy trộn thức ăn (Phù hợp với quy mô mô</p>		<p>c) Định mức máy móc, thiết bị</p> <p>- Máy băm thái cỏ</p> <p>- Máy trộn thức ăn (Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật</p>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
	hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị)		của thiết bị)	
d) Định mức giống, vật tư				
	<p>c) Định mức giống, thiết bị, vật tư</p> <ol style="list-style-type: none"> Giống (Đối tượng bò, trâu đưa vào vỗ béo theo QĐ 294, 295/QĐ-CN-MTCN ngày 23 tháng 9 năm 2020 hướng dẫn kỹ thuật vỗ béo bò, trâu trước khi giết thịt.) Thuốc tẩy ngoại KST: 01 liều/con Thuốc tẩy nội KST: 01 liều/con Thức ăn hỗn hợp: 270 kg/con (Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của <u>dự án</u>) Vỗ béo trâu, bò thịt và xử lý môi trường bằng chế phẩm sinh học <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên liệu làm đệm lót: 900 kg/con (Từ phụ phẩm nông nghiệp: Rơm, trâu...) 		<p>d) Định mức giống, vật tư</p> <ol style="list-style-type: none"> Giống (Đối tượng bò, trâu đưa vào vỗ béo theo Quyết định số 295/QĐ-CN-MTCN ngày 23 tháng 9 năm 2020 hướng dẫn kỹ thuật vỗ béo trâu trước khi giết thịt.) Thuốc tẩy ngoại KST: 01 liều/con Thuốc tẩy nội KST: 01 liều/con Thức ăn hỗn hợp: 270 kg/con (Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình</u>) Vỗ béo trâu và xử lý môi trường bằng chế phẩm sinh học <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên liệu làm đệm lót: 900 kg/con (Từ phụ phẩm nông nghiệp: Rơm, trâu...) - Chế phẩm vi sinh: 0,75 	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
	- Chế phẩm vi sinh: 0,75 kg/con (Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định pháp luật)		kg/con (Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định pháp luật)	
đ) Định mức triển khai				
Không quy định	d) Định mức triển khai		đ) Định mức triển khai	Đề xuất kế thừa nội dung, bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
	1. Tập huấn kỹ thuật - Số lần: <u>1 lần</u> (Số lượng ≤ 30 người/lớp) - Thời gian: 01 ngày		1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: <u>1-2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)	
	2. Hội nghị tổng kết: 01 HN		2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)	
	Không quy định		3. Biện mô hình: ≤ 10 cái	
22. Mô hình chăn nuôi dê, cừu thương phẩm				
Tên mô hình				
	15. Chăn nuôi dê, cừu thương phẩm	3. Mô hình chăn nuôi dê, cừu Dê, cừu ngoại, lai, nội (thương phẩm)	Mô hình Chăn nuôi dê, cừu thương phẩm	Tên mô hình “Chăn nuôi dê, cừu thương phẩm” tại Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND, theo đó đối tượng

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
				hỗ trợ bao gồm dê, cừu ngoại, lai, nội thương phẩm trùng lặp đối tượng trong Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. Do đó đề xuất tên mô hình là “Chăn nuôi dê, cừu thương phẩm”
a) Yêu cầu chung				
	Không quy định	Đối tượng: Dê, cừu ngoại, lai, nội (thương phẩm)	a) Yêu cầu chung 1. Đối tượng: Dê, Cừu	Tham khảo theo Quyết định số 54/QĐ/QĐ-BNN-KHCN, Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật cho hoạt động khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng - Chăn nuôi thương phẩm theo hướng an toàn sinh học/VietGAHP - Áp dụng khẩu phần có bổ sung thức ăn hỗn hợp	
		TLXC (kg/con): Dê: 30 Cừu: 40	3. Yêu cầu về kỹ thuật - Chuồng trại đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình; - Thức ăn và mật độ nuôi phù hợp; - Giống và các tổ hợp lai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
			của chúng được công nhận TBKT; - Tỷ lệ sống $\geq 98\%$; - Trọng lượng xuất chuồng Dê ≥ 30 kg/con; - Trọng lượng xuất chuồng Cừu ≥ 40 kg/con.	
	Định mức lao động: <u>05 tháng/cán bộ</u>	II. Định mức triển khai Thời gian triển khai: <u>04 tháng</u>	4. Thời gian thực hiện: 05 tháng	Đề xuất kế thừa theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND nhằm phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN.
b) Định mức lao động				Đề xuất kế thừa theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND nhằm phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN.
Không quy định	a) Định mức lao động 1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>dự án (Người dân đối ứng)</u> 2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: <u>05 tháng/cán bộ</u> (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: <u>Quy mô 50 con/hộ</u>	Không quy định II. Định mức triển khai - Cán bộ chỉ đạo: <u>01 người</u> - Quy mô: <u>20 con/hộ</u>	b) Định mức lao động 1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u> 2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: <u>05 tháng</u> (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp) Ghi chú: <u>1-2 cán bộ</u>	
c) Định mức máy móc, thiết bị				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
Không quy định	Không quy định	Không quy định	c) Định mức máy móc, thiết bị	Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
d) Định mức giống, vật tư				
Không quy định	b) Định mức giống, vật tư 1. Giống (Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS): 15 kg/con 2. Thức ăn hỗn hợp cho dê, cừu (Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án): 45 kg/con 3. Vắc-xin: 04 liều/con ((1) Tụ huyết trùng, (1) viêm ruột hoại tử, (1) LMLM, (1) Đậu)	I. Định mức kinh tế kỹ thuật - Con giống: 06 tháng tuổi - TĂHH (kg/con/ngày): 45 kg (Protein \geq 14%) 3. Vắc-xin: 04 liều/con ((1) Tụ huyết trùng, (1) viêm ruột hoại tử, (1) LMLM, (1) Đậu) 4. Đá liếm: 02 kg/con 5. TST: 20 lít/con	d) Định mức giống, vật tư 1. Giống (Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật): 15 kg/con 2. TĂHH cho dê, cừu (Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình): 45 kg/con 3. Vắc-xin: 04 liều/con ((1) Tụ huyết trùng, (1) viêm ruột hoại tử, (1) LMLM, (1) Đậu)	Đề xuất kế thừa theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND nhằm phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN
đ) Định mức triển khai				
	c) Định mức triển khai	II. Định mức triển khai	đ) Định mức triển khai	Đề xuất kế thừa nội

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
	1. Tập huấn kỹ thuật - Số lần: <u>1 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (Số lượng ≤ 30 người/lớp)	- Tập huấn kỹ thuật: <u>01 lần</u> - Tham quan hoặc hội thảo đầu bờ: 01 lần	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: <u>1-2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)	dung, bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
	2. Hội nghị tổng kết: 01 lần	- Hội nghị tổng kết: 01 lần - Tham quan hoặc hội thảo đầu bờ: 01 lần	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)	
	Không quy định	Không quy định	3. Biên mô hình: ≤ 04 cái	
23. Mô hình chăn nuôi dê, cừu sinh sản				
Tên mô hình				
XVIII. Mô hình chăn nuôi dê sinh sản (HCMCN052518)	15. Chăn nuôi dê, cừu sinh sản	3. Mô hình chăn nuôi dê, cừu - Dê, cừu cái ngoại, lai (sinh sản) - Dê, cừu cái nội (sinh sản) - Dê, cừu đực ngoại lai (sinh sản)	Mô hình Chăn nuôi dê, cừu sinh sản	Tên mô hình “Chăn nuôi dê, cừu sinh sản” tại Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND, theo đó đối tượng hỗ trợ bao gồm dê, cừu ngoại, lai, nội sinh sản trùng lặp đối tượng trong Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND và Quyết định số

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
				64/QĐ/2024/QĐ-UBND. Do đó đề xuất tên mô hình là “Chăn nuôi dê, cừu sinh sản”
a) Yêu cầu chung				
1. Yêu cầu chung	Không quy định	Không quy định	a) Yêu cầu chung	Đề xuất kế thừa bộ cục theo Quyết định số 64/QĐ/2024/QĐ-UBND và kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND nhằm phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN. Đồng thời tham khảo thêm Quyết định số 54/QĐ/QĐ-BNN-KHCN.
1. Đối tượng: Dê sinh sản		Đối tượng: - Dê, cừu cái ngoại, lai (sinh sản) - Dê, cừu cái nội (sinh sản) - Dê, cừu đực ngoại lai (sinh sản)	1. Đối tượng: Dê, Cừu sinh sản	
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng - Áp dụng khẩu phần có bổ sung thức ăn hỗn hợp - Ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng - Áp dụng khẩu phần có bổ sung thức ăn hỗn hợp - Ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất	
3. Yêu cầu về kỹ thuật - Giống dê được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật - Dê cái hậu bị ≤ 09 tháng. Đực hậu bị ≤ 12 tháng		- Năng suất Dê, cừu cái ngoại, lai (lúa/năm): 1,55 dê ngoại ≥ 02 kg - Tỷ lệ sống $\geq 98\%$ - Trọng lượng con sơ sinh (kg/con): Dê ngoại ≥ 2 ;	3. Yêu cầu về kỹ thuật - Tỷ lệ đực/cái $\leq 1/30$ - Dê, cừu cái hậu bị ≤ 09 tháng. Dê, cừu đực hậu bị ≤ 12 tháng - Tuổi dê cái đẻ lứa đầu ≤ 14 tháng	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
- Tuổi dê cái đẻ lứa đầu \leq 14 tháng - Khối lượng sơ sinh dê ngoại \geq 02 kg và dê lai \geq 1,6 kg		Dê lai \geq 1,6; Cừu \geq 1,8;	- Tuổi cừu cái đẻ lứa đầu \leq 15 tháng. - Khối lượng sơ sinh dê ngoại \geq 02 kg, dê lai \geq 1,6 kg và Cừu \geq 1,8 kg	
4. Thời gian thực hiện: 12 tháng	Định mức lao động: 12 tháng/cán bộ	II. Định mức triển khai Thời gian triển khai: 12 tháng	4. Thời gian thực hiện: 12 tháng	
b) Định mức lao động				
2. Định mức lao động 1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u> 2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: <u>12 tháng</u> (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp) Ghi chú: <u>1-2 cán bộ</u>	a) Định mức lao động 1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>dự án (Người dân đối ứng)</u> 2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: <u>12 tháng/cán bộ</u> (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: <u>Quy mô 40-60 con</u>	II. Định mức triển khai - Cán bộ chỉ đạo: <u>01 người</u> - Quy mô: <u>10 con/hộ</u>	b) Định mức lao động 1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u> 2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: <u>12 tháng</u> (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp) Ghi chú: <u>1-2 cán bộ</u>	Đề xuất kế thừa nội dung, bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
c) Định mức máy móc, thiết bị				
3. Định mức máy móc, thiết bị			c) Định mức máy móc, thiết bị	
d) Định mức giống, vật tư				
4. Định mức giống, vật tư	b) Định mức giống, vật tư	I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d) Định mức giống, vật tư	Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
<p>I. Giống: kg/con (Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật)</p> <p>1. - Dê đực giống ngoại : 30-34 kg/con (Khoảng 12 tháng tuổi) - Dê đực lai: 28-32 kg/con (Khoảng 12 tháng tuổi)</p> <p>2. - Dê cái giống ngoại: 23-37 kg/con (Khoảng 09 tháng tuổi) - Dê cái lai: 18-22 kg/con (Khoảng 09 tháng tuổi)</p>	<p>5. Dê, cừu đực giống ngoại: 30-34 kg/con</p> <p>6. Dê, cừu đực giống lai: 28-32 kg/con</p> <p>1. Dê cái giống ngoại: 23-37 kg/con 2. Dê cái giống nội: 13-17 kg/con 3. Dê cái lai: 18-22 kg/con 4. Cừu cái: 16-20 kg/con</p>	<p>Con giống:</p> <p>- Dê, cừu cái ngoại, lai (Khoảng 09 tháng tuổi) - Dê, cừu cái nội (Khoảng 06 tháng tuổi) - Dê, cừu đực ngoại lai (Khoảng 12 tháng tuổi)</p>	<p>I. Giống: kg/con (Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật)</p> <p>1. - Dê, cừu đực giống ngoại: 30-34 kg/con (Khoảng 12 tháng tuổi) - Dê, cừu đực giống lai: 28-32 kg/con (Khoảng 12 tháng tuổi)</p> <p>2. - Dê cái giống ngoại: 23-37 kg/con (Khoảng 09 tháng tuổi) - Dê cái lai: 18-22 kg/con (Khoảng 09 tháng tuổi) - Dê cái giống nội: 13-17 kg/con (Khoảng 06 tháng tuổi)</p> <p>3. Cừu cái: 16-20 kg/con (Khoảng 8-12 tháng tuổi)</p>	<p>29/2024/QĐ-UBND để phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN Đồng thời tham khảo thêm Quyết định số 663/QĐ-BNN-KN ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành các định mức kinh tế, kỹ thuật khuyến nông trung ương</p>
<p>II. Thức ăn hỗn hợp cho dê cái từ hậu bị đến đẻ lứa</p>	<p>7. Thức ăn hỗn hợp cho dê, cừu đực giống: 115 kg/con</p>	<p>Định mức: - Thức ăn hỗn hợp cho dê,</p>	<p>II. Thức ăn hỗn hợp 1. Thức ăn hỗn hợp cho dê,</p>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
đầu: 120 kg/con (Hàm lượng protein thô 14 - 16%) (Hỗ trợ thức ăn hỗn hợp cho dê cái từ hậu bị đến đẻ lứa đầu)	(Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án) 9. Thức ăn hỗn hợp cho dê, cừu cái từ hậu bị đến đẻ: 115 kg/con (Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án)	cừu đực ngoại lai: 36 kg/con - Thức ăn hỗn hợp cho dê, cừu cái ngoại lai: 120 kg/con - Thức ăn hỗn hợp cho dê, cừu cái nội: 72 kg/con	cừu đực giống: 115 kg/con 2. Thức ăn hỗn hợp cho dê, cừu cái giống: 115 kg/con	
Không quy định	12. Vắc-xin: 8 liều/con (2 Tụ huyết trùng, 2 viêm ruột hoại tử, 2 LMLM, 2 đậu)	Vắc-xin: 8 liều/con (2 Tụ huyết trùng, 2 viêm ruột hoại tử, 2 LMLM, 2 đậu)	III. Vaccine: 8 liều/con (2 Tụ huyết trùng, 2 viêm ruột hoại tử, 2 LMLM, 2 đậu)	
Không quy định	13. Tàng đá liếm: 02 kg/con	Tàng đá liếm: 02 kg/con	IV. Tàng đá liếm: 02 kg/con	
đ) Định mức triển khai				
5. Định mức triển khai	c) Định mức triển khai	II. Định mức triển khai	đ) Định mức triển khai	Đề xuất kế thừa nội dung, bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: <u>1-2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)	1. Tập huấn kỹ thuật - Số lần: <u>2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (Số lượng ≤ 30 người/lớp)	Tập huấn kỹ thuật - Số lần: <u>1 lần</u>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: <u>1-2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)	
2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN)	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN/MH	Hội nghị tổng kết: 01 HN Tham quan hội thảo đầu	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN)	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU		
- Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)	- Hội nghị tổng kết: 01 HN	bờ: 01 lần	- Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)	
3. Biên mô hình: ≤ 04 cái	Không quy định	Không quy định	3. Biên mô hình: ≤ 04 cái	
24. Mô hình chăn nuôi dê sữa thương phẩm				
Tên mô hình				
XIX. Mô hình chăn nuôi dê sữa thương phẩm (HCMCN52519)	17. Mô hình chăn nuôi dê sữa thương phẩm	Không quy định	Mô hình chăn nuôi dê sữa thương phẩm	Kế thừa tên mô hình “Mô hình chăn nuôi dê sữa thương phẩm” vì phù hợp với cả 02 Quyết định 64/2024/QĐ-UBND và Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND cũng như nhằm phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN
a) Yêu cầu chung				
1. Yêu cầu chung 1. Đối tượng 2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng 3. Yêu cầu về kỹ thuật 4. Thời gian thực hiện	Không quy định	Không quy định	a) Yêu cầu chung 1. Đối tượng 2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng 3. Yêu cầu về kỹ thuật 4. Thời gian thực hiện	Đề xuất kế thừa nội dung, bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
b) Định mức lao động				
2. Định mức lao động	a) Định mức lao động	Không quy định	b) Định mức lao động	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án (Người dân đối ứng)		1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	Đề xuất kế thừa nội dung, bổ cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp) Ghi chú: 1-2 cán bộ	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Quy mô 100 con		2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp) Ghi chú: 1-2 cán bộ	
c) Định mức máy móc, thiết bị				
3. Định mức máy móc, thiết bị	Không quy định	Không quy định	c) Định mức máy móc, thiết bị	Đề xuất kế thừa nội dung, bổ cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND, bổ sung thêm Thức ăn hỗn hợp cho dê đực, vaccine, bình đựng sữa thể tích 25 lít, tảng đá liềm theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND nhằm đa dạng hạng mục hỗ trợ cũng như đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả tại Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN
d) Định mức giống, vật tư				
4. Định mức giống, vật tư	c) Định mức giống, vật tư	Không quy định	d) Định mức giống, vật tư	
I. Giống: Giống được công nhận tiên bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật 1. Dê đực giống ngoại (Khoảng 12 tháng tuổi): 30-34 kg/con Dê đực lai (Khoảng 12 tháng tuổi): 28-32 kg/con 2. Dê cái giống ngoại	2. Dê đực giống (Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS): 35-40 kg/con 1. Dê cái giống (Giống		1. Giống: Giống được công nhận tiên bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật 1.1. Dê đực giống ngoại (Khoảng 12 tháng tuổi): 30-34 kg/con 1.2. Dê đực lai (Khoảng 12 tháng tuổi): 28-32 kg/con 1.3. Dê cái giống ngoại	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
(Khoảng 09 tháng tuổi): 23-27 kg/con Đê cái lai (Khoảng 12 tháng tuổi): 18-22 kg/con II. TAHH cho đê cái từ hậu bị đến đẻ lứa đầu (Hàm lượng protein thô 14 - 16%) (Hỗ trợ thức ăn hỗn hợp cho đê cái từ hậu bị đến đẻ lứa đầu): 120kg/con	được công nhận TBKT, công bố TCCS): 18-22 kg/con 4. Thức ăn hỗn hợp cho Đê cái từ hậu bị đến đẻ lứa đầu (Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án): 120kg/con 3. Thức ăn hỗn hợp cho đê đực (Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án): 36 kg/con 3. Vaccine: 08 liều/con (2) Tụ huyết trùng, (2) viêm ruột hoại tử, (2) LMLM, (2) Đậu) 4. Bình đựng sữa thể tích 25 lít: 01 bình (Bình làm bằng chất liệu nhôm hoặc hợp kim, không bị ô xy hóa) 5. Tàng đá liềm: 03kg/con		(Khoảng 09 tháng tuổi): 23-27 kg/con 1.4. Đê cái lai (Khoảng 12 tháng tuổi): 18-22 kg/con 2. TAHH 2.1. Đê cái từ hậu bị đến đẻ lứa đầu (Hàm lượng protein thô 14 - 16%) (Hỗ trợ thức ăn hỗn hợp cho đê cái từ hậu bị đến đẻ lứa đầu): 120kg/con 2.2. Đê đực (Hàm lượng protein thô 14 - 16%): 36 kg/con 3. Vaccine: 08 liều/con (2) Tụ huyết trùng, (2) viêm ruột hoại tử, (2) LMLM, (2) Đậu) 4. Bình đựng sữa thể tích 25 lít: 01 bình (Bình làm bằng chất liệu nhôm hoặc hợp kim, không bị ô xy hóa) 5. Tàng đá liềm: 03kg/con	
đ) Định mức triển khai				
5. Định mức triển khai	d) Định mức triển khai	Không quy định	đ) Định mức triển khai	
1. Tập huấn kỹ thuật	1. Tập huấn kỹ thuật		1. Tập huấn xây dựng mô	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
- Số lần: <u>1-2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)	- Số lần: <u>2 lần</u> (Số lượng ≤ 30 người/lớp) - Thời gian: 01 ngày		hình - Số lần: <u>1-2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)	
2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)		2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)	
3. Biện mô hình: ≤ 04 cái	Không quy định		3. Biện mô hình: ≤ 04 cái	
25. Mô hình Chăn nuôi heo thương phẩm theo hướng hữu cơ				
Tên mô hình				
Không quy định	Không quy định	Mô hình Chăn nuôi heo (lợn) theo hướng hữu cơ	Mô hình Chăn nuôi heo thương phẩm theo hướng hữu cơ	Đề xuất kế thừa tên “Mô hình Chăn nuôi heo thương phẩm theo hướng hữu cơ” dựa theo phương thức chăn nuôi theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm phù hợp với định hướng chăn nuôi theo hướng hữu cơ trên địa bàn TPHCM sau sáp nhập
Các nội dung ĐMKTKT				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
Không quy định	Không quy định	Đối tượng - Heo ngoại lai; - Heo Móng cái; - Heo nội khác. Nuôi thương phẩm theo hướng hữu cơ. Tỷ lệ sống: $\geq 95\%$ TLXC: - Heo ngoại lai: ≥ 100 kg - Heo Móng cái: ≥ 100 kg - Heo nội khác: ≥ 100 kg Thời gian triển khai: 08 tháng	a) Yêu cầu chung 1. Đối tượng - Heo ngoại lai; - Heo Móng cái; - Heo nội khác. 2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Nuôi thương phẩm theo hướng hữu cơ 3. Yêu cầu về kỹ thuật Tỷ lệ sống $\geq 95\%$ Trọng lượng xuất chuồng: - Heo ngoại lai ≥ 100 kg; - Heo Móng cái ≥ 65 kg; - Heo nội khác ≥ 45 kg/con. 4. Thời gian thực hiện: 08 tháng	Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND, kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND vì đây là mô hình duy nhất ở cả 03 tỉnh trước sáp nhập. Tham khảo cụ thể “TY/Tổng TAHH” thành “Định mức Thuộc thú y tính theo % so với chi phí thức ăn” theo Quyết định số 3368/QĐ-BNN-CN ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với vật nuôi giống gốc
		Không quy định	b) Định mức lao động c) Định mức máy móc, thiết bị	
		Định mức Con giống Thức ăn hỗn hợp Vaccine	d) Định mức giống, vật tư 1. Giống 2. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		TY/Tổng TAHH CPSH TST	3. Vaccine 4. Hoá chất sát trùng 5. Chế phẩm sinh học 6. Định mức Thuốc thú y tính theo % so với chi phí thức ăn	
		II. Định mức triển khai	đ) Định mức triển khai	Đề xuất kế thừa nội dung, bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
26. Mô hình chăn nuôi heo thịt trên nền đệm lót sinh học				
Tên mô hình I. Mô hình chăn nuôi heo thịt trên nền đệm lót sinh học (HCMCN072401)	Không quy định	Không quy định	Tên mô hình Mô hình chăn nuôi heo thịt trên nền đệm lót sinh học	Đề xuất kế thừa nội dung, bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả vì đây là mô hình duy nhất ở cả 03 tỉnh trước sáp nhập.
Các nội dung theo ĐMKTKT 1. Yêu cầu chung 2. Định mức lao động 3. Định mức máy móc, thiết bị 4. Định mức giống, vật tư 5. Định mức triển khai			Các nội dung theo ĐMKTKT a) Yêu cầu chung b) Định mức lao động c) Định mức máy móc, thiết bị d) Định mức giống, vật tư đ) Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH	
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU			
27. Mô hình xử lý chất thải trong chăn nuôi heo					
Tên mô hình					
II. Mô hình xử lý chất thải trong chăn nuôi heo (HCMCN 072402)	9. Mô hình xử lý môi trường chăn nuôi heo	Không quy định	Mô hình xử lý chất thải trong chăn nuôi heo	Đề xuất kế thừa tên Mô hình xử lý chất thải trong chăn nuôi heo vì mô hình này chủ yếu xử lý chất thải nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường	
a) Yêu cầu chung					
1. Yêu cầu chung 1. Đối tượng 2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng 3. Yêu cầu về kỹ thuật 4. Thời gian thực hiện	Không quy định	Không quy định	a) Yêu cầu chung 1. Đối tượng 2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng 3. Yêu cầu về kỹ thuật 4. Thời gian thực hiện	Đề xuất kế thừa nội dung, bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.	
b) Định mức lao động					
2. Định mức lao động	a) Định mức lao động	Không quy định	b) Định mức lao động		
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình</u> (Nông dân đối ứng)	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>dự án</u> (Người dân đối ứng)		1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình</u> (Nông dân đối ứng)		
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 06 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 06 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp);		2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 06 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)		

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
Ghi chú: <u>1-2 cán bộ</u>	Ghi chú: <u>Quy mô 02 hệ thống</u>		Ghi chú: <u>1-2 cán bộ</u>	
c) Định mức máy móc, thiết bị				
3. Định mức máy móc, thiết bị	Không quy định	Không quy định	c) Định mức máy móc, thiết bị	
d) Định mức giống, vật tư				
4. Định mức giống, vật tư 1. Hỗ trợ vật tư xây dựng hệ thống bể lắng xử lý chất thải và bể đá xử lý nước thải 2. Men, chế phẩm vi sinh xử lý môi trường, phân và chất thải 3. Phân tích mẫu	b) Định mức vật tư, thiết bị, phân tích, xét nghiệm đánh giá kết quả 1. Hỗ trợ vật tư xây dựng hệ thống bể lắng xử lý chất thải và bể đá xử lý nước thải 2. Men, chế phẩm vi sinh xử lý môi trường, phân và chất thải 3. Phân tích mẫu	Không quy định	d) Định mức giống, vật tư 1. Hỗ trợ vật tư xây dựng hệ thống bể lắng xử lý chất thải và bể đá xử lý nước thải 2. Men, chế phẩm vi sinh xử lý môi trường, phân và chất thải 3. Phân tích mẫu	Các hạng mục hỗ trợ tại 02 Quyết định 64/2024/QĐ-UBND và 29/2024/QĐ-UBND đều giống nhau. Do đó đề xuất kế thừa nội dung, bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN
đ) Định mức triển khai				
5. Định mức triển khai	c) Định mức triển khai	Không quy định	đ) Định mức triển khai	Đề xuất kế thừa nội dung, bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
1. Tập huấn kỹ thuật - Số lần: <u>1-2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)	1. Tập huấn kỹ thuật - Số lần: <u>1 lần</u> (Số lượng \leq 30 người/lớp) - Thời gian: 01 ngày		1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: <u>1-2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)		hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)	
3. Biên mô hình: ≤ 02 cái	Không quy định		3. Biên mô hình: ≤ 02 cái	
28. Mô hình chăn nuôi heo thương phẩm				
Tên mô hình				
Không quy định	Chăn nuôi heo thương phẩm	Không quy định	Mô hình chăn nuôi heo thương phẩm	Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND, kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND vì đây là mô hình duy nhất ở cả 03 tỉnh trước sáp nhập.
Các nội dung ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a) Yêu cầu chung 1. Đối tượng Heo thịt 2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng Nuôi thương phẩm. Áp dụng kỹ thuật chăn nuôi	Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND, kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/QĐ-2022/QĐ-UBND vì đây là mô hình duy nhất ở cả 03 tỉnh trước

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
			<p>heo theo hướng an toàn sinh học/VietGAHP</p> <p>3. Yêu cầu về kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng xuất chuồng Lợn ngoại: $\geq 100\text{kg}$; - Tiêu tốn thức ăn/kg tăng trọng lượng $\leq 2,5$ - Khối lượng xuất chuồng Lợn Móng cái: $\geq 60\text{kg}$; - Tiêu tốn thức ăn/kg tăng trọng lượng $\leq 3,5$ - Khối lượng xuất chuồng Lợn bản địa khác: $\geq 40\text{kg}$; - Tiêu tốn thức ăn/kg tăng trọng lượng $\leq 4,5$ 	sáp nhập. Đồng thời tham khảo Quyết định số 663/QĐ-BNN-KN ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật khuyến nông trung ương
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 08 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp);		4. Thời gian thực hiện: 08 tháng	
	<ul style="list-style-type: none"> a) Định mức lao động b) Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trang trại chăn nuôi) d) Định mức giống, vật tư 		<ul style="list-style-type: none"> b) Định mức lao động c) Định mức máy móc, thiết bị d) Định mức giống, vật tư 	Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND, kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/QĐ-2022/QĐ-UBND vì đây là mô hình

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
				duy nhất ở cả 03 tỉnh trước sáp nhập.
	d) Định mức triển khai		d) Định mức triển khai	Đề xuất kế thừa nội dung, bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
29. Mô hình chăn nuôi heo sinh sản				
XVI. Mô hình chăn nuôi heo sinh sản (HCMCN052416)	8. Mô hình chăn nuôi heo sinh sản	Không quy định	Mô hình chăn nuôi heo sinh sản	Đề xuất tên mô hình “Mô hình chăn nuôi heo sinh sản” vì mô hình theo cả 02 quyết định 64/2024/QĐ-UBND và Quyết định 29/2024/QĐ-UBND đều triển khai thực hiện trên cùng 01 đối tượng hỗ trợ và cũng nhằm phù hợp với Quyết định 726/QĐ-BNN
a) Yêu cầu chung 1. Đối tượng 2. Kỹ thuật, công nghệ 3. Yêu cầu về kỹ thuật 4. Thời gian thực hiện:	Không quy định Cán bộ chỉ đạo, hướng	Không quy định	a) Yêu cầu chung 1. Đối tượng 2. Kỹ thuật, công nghệ 3. Yêu cầu về kỹ thuật 4. Thời gian thực hiện:	Đề xuất kế thừa nội dung và bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND vì các hạng mục hỗ trợ của cả 02 Quyết

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU		
18 tháng	dẫn kỹ thuật: 08 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp);		18 tháng	định 64/2024/QĐ-UBND và Quyết định 29/2024/QĐ-UBND đều giống nhau và cũng nhằm phù hợp với Quyết định 726/QĐ-BNN
2. Định mức lao động 3. Định mức máy móc, thiết bị 4. Định mức giống, vật tư 5. Định mức triển khai	a) Định mức lao động b) Định mức máy móc, thiết bị c) Định mức giống, vật tư d) Định mức triển khai		b) Định mức lao động c) Định mức máy móc, thiết bị d) Định mức giống, vật tư đ) Định mức triển khai	
30. Mô hình Chăn nuôi heo đực sản xuất tinh giống				
Tên mô hình				
Không quy định	Không quy định	6. Một số mô hình khác a) Mô hình Chăn nuôi heo (lợn) đực sản xuất tinh giống	Mô hình Chăn nuôi heo đực sản xuất tinh giống	Đề xuất kế thừa theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND vì đây là mô hình duy nhất ở cả 03 tỉnh trước sáp nhập.
		Không quy định	a) Yêu cầu chung 1. Đối tượng Heo đực giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật 2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Nuôi heo đực sản xuất tinh giống. Áp dụng kỹ thuật	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND - Tham khảo nội dung theo Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		<p>Định mức triển khai về thời gian triển khai: 12 tháng</p>	<p>chăn nuôi heo theo hướng an toàn sinh học/VietGAHP</p> <p>3. Yêu cầu về kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng heo giống (kg/con) ≥ 100 - Tuổi khai thác lần đầu (tháng) ≤ 8 - Lượng tinh khai thác (ml/lần) ≥ 220 - Hoạt lực tinh trùng (%) ≥ 80 - Mật độ tinh trùng (triệu/ml) ≥ 250 - Tổng số tinh trùng tiến thẳng (tỷ) ≥ 44 <p>4. Thời gian thực hiện: 12 tháng</p>	
			<p>b) Định mức lao động</p> <p>c) Định mức máy móc, thiết bị</p> <p>d) Định mức giống, vật tư</p> <p>đ) Định mức triển khai</p>	<p>Đề xuất kế thừa nội dung, bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND, kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
				quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
31. Mô hình nuôi Ong				
Không quy định	18. Nuôi ong ngoại 19. Nuôi ong nội	6. Một số mô hình khác d) Mô hình nuôi ong lấy mật	Mô hình nuôi ong	Đề xuất tên mô hình “Mô hình nuôi ong” vì việc gom "Nuôi ong ngoại", "Nuôi ong nội" và "Mô hình nuôi ong lấy mật" thành "Mô hình nuôi ong" giúp khái quát hóa toàn bộ hoạt động sản xuất mật, sữa ong chúa, phấn hoa... nhằm tối ưu hóa quản lý, kỹ thuật đồng thời cũng đã khái quát đầy đủ các loại ong và các hạng mục hỗ trợ trong cùng một mô hình.
a) Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng - Ong giống nội - Ong giống nội	a) Yêu cầu chung 1. Đối tượng: Ong nuôi lấy mật (giống được công nhận TBKT, công bố TCCS hoặc được phép sản xuất,	Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND và Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND vì cả

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
			kinh doanh theo quy định của pháp luật)	02 Quyết định này đều triển khai thực hiện cho cùng đối tượng chuyên giao. Đồng thời tham khảo nội dung theo Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
		Hình thức nuôi: lấy mật	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng Nuôi ong lấy mật. Áp dụng quy trình VietGAHP nuôi ong an toàn	
		- Năng suất mật + Ong giống nội ≥ 20 kg/đàn/năm; + Ong giống ngoại ≥ 38 kg/đàn/năm;	3. Yêu cầu về kỹ thuật - Năng suất mật + Ong giống nội ≥ 20 kg/đàn/năm; + Ong giống ngoại ≥ 38 kg/đàn/năm; - Không tồn dư kháng sinh trong mật ong - Cầu/đàn: + Ong giống nội ≥ 03 ; + Ong giống ngoại ≥ 06 - Khả năng tạo chúa, nhân đàn ≥ 2 lần/năm	
	a) Định mức lao động 2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp);	II. Định mức triển khai về thời gian triển khai: 12 tháng	4. Thời gian thực hiện: 12 tháng	
b) Định mức lao động				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
2. Định mức lao động	a) Định mức lao động	Không quy định	b) Định mức lao động	Đề xuất kế thừa nội dung, bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>dự án (Người dân đối ứng)</u>	Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: <u>Quy mô 50 con</u>	II. Định mức triển khai - Cán bộ chỉ đạo: <u>01 người</u> - Quy mô: + <u>Nuôi ong giống nội: 50 đàn/hộ</u> + <u>Nuôi ong giống ngoại: 100 đàn/hộ</u>	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp) Ghi chú: <u>1-2 cán bộ</u>	
c) Định mức máy móc, thiết bị				
		Không quy định	c) Định mức máy móc, thiết bị	Đề xuất kế bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
d) Định mức giống, vật tư				
	b) Định mức giống, vật tư 1. Ong giống (Giống đực	I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d) Định mức giống, vật tư 1. Ong giống (Giống đực	Các hạng mục hỗ trợ mô hình của cả 02 Quyết định

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
	<p>công nhận TBKT, công bố TCCS)</p> <p>2. Thùng kê (Áp dụng đối với mô hình có thùng kê)</p> <p>3. Đường</p> <p>4. Phần hoa</p> <p>5. Tầng chân</p> <p>6. Máng cho ong ăn</p> <p>7. Thùng quay mật</p> <p>8. Bộ dụng cụ nhân đàn (kim di trùng, thùng nhân đàn, bình xịt, khói, bảo hộ lao động)</p>	<p>Ong giống ngoại</p> <p>Ong giống nội</p> <p>Thùng kê (Áp dụng đối với mô hình có thùng kê)</p> <p>Đường</p> <p>Phần hoa</p> <p>Tầng chân</p> <p>Máng ăn</p> <p>7. Thùng quay mật</p> <p>Dụng cụ nhân đàn</p>	<p>công nhận TBKT, công bố TCCS hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật)</p> <p>2. Thùng kê (Áp dụng đối với mô hình có thùng kê)</p> <p>3. Đường</p> <p>4. Phần hoa</p> <p>5. Tầng chân</p> <p>6. Máng cho ong ăn</p> <p>7. Thùng quay mật</p> <p>8. Bộ dụng cụ nhân đàn (kim di trùng, thùng nhân đàn, bình xịt, khói, bảo hộ lao động)</p>	<p>số 18/2022/QĐ-UBND và Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND giống nhau do đó dự thảo kế thừa đầy đủ các hạng mục và cũng phù hợp với Quyết định 726/QĐ-BNN</p>
đ) Định mức triển khai				
	c) Định mức triển khai	II. Định mức triển khai	đ) Định mức triển khai	Đề xuất kế bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
	<p>1. Tập huấn kỹ thuật</p> <p>- Số lần: <u>1 lần</u> (Số lượng \leq 30 người/lớp)</p> <p>- Thời gian: 01 ngày</p>	<p>- Tập huấn kỹ thuật: 01 lần</p> <p>- Tham quan hoặc hội thảo đầu bờ: 01 lần</p>	<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <p>- Số lần: <u>1-2 lần</u></p> <p>- Thời gian: 01 ngày</p> <p>(- Theo quy trình kỹ thuật</p> <p>- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)</p>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
	2. Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)	- Hội nghị tổng kết: 01 lần - Tham quan hoặc hội thảo đầu bờ: 01 lần	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)	
	Không quy định	Không quy định	3. Biên mô hình: ≤ 10 cái	
32. Mô hình chăn nuôi Dúi thương phẩm				
Tên mô hình				
Không quy định	Không quy định	5. Mô hình Chăn nuôi các loài đặc sản Dúi	Mô hình Chăn nuôi Dúi	Đề xuất kế thừa tên “Mô hình Chăn nuôi Dúi” dựa theo phương thức chăn nuôi theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm phù hợp với định hướng chăn nuôi trên địa bàn TPHCM sau sáp nhập
Các nội dung ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: Dúi Nuôi thương phẩm	a) Yêu cầu chung 1. Đối tượng: Dúi thương phẩm 2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Nuôi thương phẩm. Áp dụng kỹ thuật chăn nuôi theo hướng an toàn	Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND, kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND vì đây là mô hình duy nhất ở cả 03 tỉnh trước

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU		
		<p>Tỷ lệ sống $\geq 90\%$ Trọng lượng xuất chuồng $\geq 0,7$ kg Thời gian triển khai: 08 tháng</p>	<p>sinh học/VietGAHP 3. Yêu cầu về kỹ thuật Tỷ lệ sống $\geq 90\%$ Trọng lượng xuất chuồng $\geq 0,7$ kg 4. Thời gian thực hiện: 08 tháng</p>	sáp nhập.
		Không quy định	b) Định mức lao động	
			c) Định mức máy móc, thiết bị	
		<p>Định mức Con giống Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh Thú y</p>	d) Định mức giống, vật tư 1. Giống 2. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh 3. Thú y	
		II. Định mức triển khai	đ) Định mức triển khai	Đề xuất kế thừa nội dung, bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
33. Mô hình chăn nuôi Hươu sao sinh sản				
Tên mô hình				
Không quy định	Không quy định	5. Mô hình chăn nuôi các	Mô hình chăn nuôi Hươu	Đề xuất kế thừa tên “Mô

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		loài đặc sản Hươu sao (sinh sản)	sao sinh sản	hình chăn nuôi Hươu sao sinh sản” dựa theo phương thức chăn nuôi theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm phù hợp với định hướng chăn nuôi trên địa bàn TPHCM sau sáp nhập
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	- Đối tượng: Hươu sao - Hình thức nuôi: sinh sản - Tỷ lệ sống $\geq 90\%$ - Thời gian triển khai: 18 tháng	a) Yêu cầu chung 1. Đối tượng: Hươu sao 2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Nuôi sinh sản. Áp dụng kỹ thuật chăn nuôi heo theo hướng an toàn sinh học 3. Yêu cầu về kỹ thuật: Tỷ lệ sống $\geq 90\%$ 4. Thời gian thực hiện: 18 tháng	Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND, kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND vì đây là mô hình duy nhất ở cả 03 tỉnh trước sáp nhập.
		Không quy định	b) Định mức lao động 1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
			2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 18 tháng - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp. (1-2 cán bộ)	
		Không quy định	c) Định mức máy móc, thiết bị	
		Định mức Giống Thức ăn hỗn Con cái: 30 kg/con Con đực: 48 kg/con Thức ăn xanh Thú y	d) Định mức giống, vật tư 1. Giống 2. Thức ăn hỗn Con cái: 30 kg/con Con đực: 48 kg/con 3. Thức ăn xanh 4. Thú y	Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND, kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND vì đây là mô hình duy nhất ở cả 03 tỉnh trước sáp nhập.
		II. Định mức triển khai	đ) Định mức triển khai	Đề xuất kế thừa bố cục và bổ sung thêm Hội nghị sơ kết, Biên mô hình để phù hợp với bố cục tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
34. Mô hình chăn nuôi Nai sinh sản				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU		
Tên mô hình				
Không quy định	Không quy định	5. Mô hình chăn nuôi các loài đặc sản Nai (sinh sản)	Mô hình chăn nuôi Nai sinh sản	Đề xuất kế thừa tên “Mô hình chăn nuôi Nai sinh sản” dựa theo phương thức chăn nuôi theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm phù hợp với định hướng chăn nuôi trên địa bàn TPHCM sau sáp nhập
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	- Đối tượng: Nai - Hình thức nuôi: sinh sản - Tỷ lệ sống $\geq 90\%$ - Thời gian triển khai: 18 tháng	a) Yêu cầu chung 1. Đối tượng: Nai sinh sản 2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Nuôi sinh sản. Áp dụng kỹ thuật chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học. 3. Yêu cầu về kỹ thuật: Tỷ lệ sống $\geq 90\%$ 4. Thời gian thực hiện: 18 tháng	Đề xuất kế thừa bộ cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND, kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND vì đây là mô hình duy nhất ở cả 03 tỉnh trước sáp nhập.
		Không quy định	b) Định mức lao động 1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
			dân đối ứng) 2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 18 tháng - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp. (1-2 cán bộ)	
		Không quy định	c) Định mức máy móc, thiết bị	
		Định mức Giống Thức ăn hỗn Con cái: 30 kg/con Con đực: 48 kg/con Thức ăn xanh Thú y	d) Định mức giống, vật tư 1. Giống 2. Thức ăn hỗn Con cái: 30 kg/con Con đực: 48 kg/con 3. Thức ăn xanh 4. Thú y	
		II. Định mức triển khai	đ) Định mức triển khai	Đề xuất kế thừa bố cục và bổ sung thêm Hội nghị sơ kết, Biên mô hình để phù hợp với bố cục tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
35. Mô hình chăn nuôi Nhím thương phẩm				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
Tên mô hình				
Không quy định	Không quy định	5. Mô hình chăn nuôi các loài đặc sản Nhím (thương phẩm)	Mô hình chăn nuôi Nhím thương phẩm	Đề xuất kế thừa tên “Mô hình chăn nuôi Nhím thương phẩm” dựa theo phương thức chăn nuôi theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm phù hợp với định hướng chăn nuôi trên địa bàn TPHCM sau sáp nhập
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	- Đối tượng: Nhím - Hình thức nuôi: thương phẩm - Tỷ lệ sống $\geq 90\%$ - Tỷ lệ xuất chuồng ≥ 7 kg	a) Yêu cầu chung 1. Đối tượng: Nhím 2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Nuôi thương phẩm. Áp dụng kỹ thuật chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học 3. Yêu cầu về kỹ thuật: Tỷ lệ sống $\geq 90\%$ Tỷ lệ xuất chuồng ≥ 7 kg 4. Thời gian thực hiện: 07 tháng	Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND, kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND vì đây là mô hình duy nhất ở cả 03 tỉnh trước sáp nhập.
		- Thời gian triển khai: 07 tháng		

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
			thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng) 2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 07 tháng - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp. (1-2 cán bộ)	
		Không quy định	c) Định mức máy móc, thiết bị	
		Định mức Giống Thức ăn hỗn Thức ăn xanh Thú y	d) Định mức giống, vật tư 1. Giống 2. Thức ăn hỗn 3. Thức ăn xanh 4. Thú y	
		II. Định mức triển khai	đ) Định mức triển khai	Đề xuất kế thừa bố cục và bổ sung thêm Hội nghị sơ kết, Biên mô hình để phù hợp với bố cục tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
36. Mô hình chăn nuôi thô thương phẩm				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
Tên mô hình				
Không quy định	20. Mô hình chăn nuôi thỏ thương phẩm	Mô hình chăn nuôi các loại đặc sản Thỏ giống nội (thương phẩm) Thỏ giống ngoại (thương phẩm)	Mô hình chăn nuôi thỏ thương phẩm	Kế thừa tên mô hình “Mô hình chăn nuôi thỏ thương phẩm” theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND nhằm phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN
a) Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	- Đối tượng: Thỏ giống nội, Thỏ giống ngoại - Hình thức nuôi: thương phẩm - Định mức: - Tỷ lệ sống $\geq 86\%$ - Trọng lượng xuất chuồng $\geq 2,2$ kg	a) Yêu cầu chung 1. Đối tượng: Thỏ 2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: nuôi thương phẩm. Áp dụng kỹ thuật chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học 3. Yêu cầu về kỹ thuật: - Ưu tiên các giống và tổ hợp lai của chúng được công nhận TBKT - Tỷ lệ sống $\geq 86\%$; - Trọng lượng xuất chuồng $\geq 2,2$ kg;	Tham khảo theo Quyết định số 54/QĐ/QĐ-BNN-KHCN và Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND
Không quy định	Định mức lao động: 05 tháng/cán bộ	Định mức triển khai: Thỏ giống nội: 06 tháng	4. Thời gian thực hiện: 05 tháng	Đề xuất kế thừa theo Quyết định số 29/2024/QĐ-

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		Thỏ giống ngoại: 04 tháng		UBND nhằm phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN.
b) Định mức lao động				
	a) Định mức lao động 1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án (Người dân <u>đôi ứng</u>)	Không quy định	b) Định mức lao động 1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân <u>đôi ứng</u>)	Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND và kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND nhằm phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN.
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 05 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Quy mô 1.000 con	II. Định mức triển khai - Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 20 con/hộ	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 05 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp) Ghi chú: 1-2 cán bộ	
c) Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	c) Định mức máy móc, thiết bị	Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
d) Định mức giống, vật tư				
Không quy định	c) Định mức giống, vật tư 1. Thỏ giống (Giống được công nhận TBKT, công bố	I. Định mức kinh tế kỹ thuật Con giống: Thỏ giống nội: 0,4 kg/con	d) Định mức giống, vật tư 1. Thỏ giống: Giống được công nhận tiên bộ kỹ thuật,	Đề xuất kế thừa theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND nhằm phù hợp với

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
	TCCS): 0,5 kg/con 2. Thức ăn hỗn hợp cho Thỏ: hỗ trợ thức ăn trong 90 ngày (Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án): 13,5 kg 3. Vắc xin: 01 liều/con (1) Bại huyết	Thỏ giống ngoại: 0,6 kg/con - TÁHH (Protein \geq 16%) Thỏ giống nội: 13,2 kg/con Thỏ giống ngoại: 7,8 kg/con 3. Vắc-xin: 01 liều/con (1) Bại huyết	công bố TCCS: 0,5 kg/con 2. Thức ăn hỗn hợp: Hỗ trợ thức ăn trong 90 ngày: 13,5 kg (Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình) 3. Vắc xin: 01 liều/con (1) Bại huyết	Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN
đ) Định mức triển khai				
Không quy định	d) Định mức triển khai 1. Tập huấn kỹ thuật - Số lần: 01 lần (Số lượng \leq 30 người/lớp) - Thời gian: 01 ngày	II - Định mức triển khai - Tập huấn kỹ thuật: 01 lần - Tham quan hoặc hội thảo đầu bờ: 01 lần	đ) Định mức triển khai 1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình - Số lượng \leq 30 người/lớp)	Đề xuất kế thừa bố cục và bổ sung thêm Hội nghị sơ kết, Biên mô hình để phù hợp với bố cục tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
Không quy định	2. Hội nghị tổng kết: 01 lần	- Hội nghị tổng kết: 01 lần	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)	
Không quy định	Không quy định	Không quy định	3. Biên mô hình: \leq 10 cái	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
37. Mô hình chăn nuôi thỏ sinh sản				
Tên mô hình				
Không quy định	21. Mô hình chăn nuôi thỏ sinh sản	5. Mô hình chăn nuôi các loại đặc sản Thỏ giống nội (sinh sản) Thỏ giống ngoại (sinh sản)	Mô hình chăn nuôi thỏ sinh sản	Kế thừa tên mô hình “Mô hình chăn nuôi sinh sản” theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND nhằm phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN
a) Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: Thỏ giống nội, Thỏ giống ngoại Hình thức nuôi: sinh sản Tỷ lệ sống $\geq 86\%$	a) Yêu cầu chung 1. Đối tượng: Thỏ sinh sản 2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: nuôi sinh sản. Áp dụng kỹ thuật chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học 3. Yêu cầu về kỹ thuật: - Ưu tiên các giống và tổ hợp lai của chúng được công nhận TBKT - Tỷ lệ sống $\geq 86\%$	Tham khảo theo Quyết định số 54/QĐ/QĐ-BNN-KHCN và Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND
	Định mức lao động: 12 tháng/cán bộ	Định mức triển khai: 12 tháng	4. Thời gian thực hiện: 12 tháng	Đề xuất kế thừa theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND nhằm phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
				KN.
b) Định mức lao động				
Không quy định	a) Định mức lao động 1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án (Người dân đối ứng) 2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 05 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Quy mô 500 con	Không quy định II. Định mức triển khai - Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 20 con/hộ	b) Định mức lao động 1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng) 2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp) Ghi chú: 1-2 cán bộ	Đề xuất kế thừa theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND nhằm phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN.
c) Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	c) Định mức máy móc, thiết bị	Đề xuất kế thừa bộ cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
d) Định mức giống, vật tư				
Không quy định	c) Định mức giống, vật tư 1. Thỏ giống (Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS): 2,5 - 3 kg/con	I. Định mức kinh tế kỹ thuật - Con giống: Thỏ giống nội: 1,5 kg/con Thỏ giống ngoại: 1,8	d) Định mức giống, vật tư 1. Thỏ giống: Giống được công nhận tiên bộ kỹ thuật, công bố TCCS hoặc được phép sản xuất, kinh doanh	Đề xuất kế thừa theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND nhằm phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
	2. Thức ăn hỗn hợp cho Thỏ: hỗ trợ thức ăn trong 120 ngày (Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án): 27 kg 3. Vắc xin: 02 liều/con (2) Bại huyết	kg/con - TĂHH (Protein \geq 16%) Thỏ giống nội: 6,6 kg/con Thỏ giống ngoại: 7,8 kg/con 3. Vắc-xin: 02 liều/con (2) Bại huyết	theo quy định của pháp luật: 2,5 - 3 kg/con 2. Thức ăn hỗn hợp cho thỏ: Hỗ trợ thức ăn trong 120 ngày: 27 kg (Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình) 3. Vắc-xin: 02 liều/con (2) Bại huyết	
đ) Định mức triển khai				
Không quy định	d) Định mức triển khai 1. Tập huấn kỹ thuật - Số lần: 02 lần (Số lượng \leq 30 người/lớp) - Thời gian: 01 ngày	II. Định mức triển khai - Tập huấn kỹ thuật: 01 lần - Tham quan hoặc hội thảo đầu bờ: 01 lần	đ) Định mức triển khai 1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình - Số lượng \leq 30 người/lớp)	Đề xuất kế thừa bố cục và bổ sung thêm Hội nghị sơ kết, Biên mô hình để phù hợp với bố cục tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết: Hội nghị sơ kết: 01 Hội nghị/MH Hội nghị tổng kết: 01 Hội nghị/MH	- Hội nghị tổng kết: 01 lần	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1-2 ngày/HN)	
	Không quy định	Không quy định	3. Biên mô hình: \leq 10 cái	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
38. Mô hình trồng bắp làm thức ăn chăn nuôi				
Tên mô hình				
IX. Mô hình trồng bắp làm thức ăn chăn nuôi (HCMCN052109)	Không quy định	Không quy định	Mô hình trồng bắp làm thức ăn chăn nuôi	Đề xuất kế thừa “Mô hình trồng bắp làm thức ăn chăn nuôi” theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. Vì đây là mô hình đặc thù, được triển khai phù hợp với điều kiện quỹ đất hạn chế, quy mô sản xuất nhỏ nhưng yêu cầu cao về hiệu quả sử dụng đất và tính chủ động nguồn thức ăn.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
1. Yêu cầu chung 2. Định mức lao động 3. Định mức máy móc, thiết bị 4. Định mức giống, vật tư 5. Định mức triển khai	Không quy định	Không quy định	a) Yêu cầu chung b) Định mức lao động c) Định mức máy móc, thiết bị d) Định mức giống, vật tư đ) Định mức triển khai	
39. Mô hình trồng cỏ làm thức ăn chăn nuôi				
Tên mô hình				
VIII. Mô hình trồng cỏ làm thức ăn chăn nuôi (HCMCN052108)	Không quy định	Không quy định	Mô hình trồng cỏ làm thức ăn chăn nuôi	Đề xuất “Mô hình trồng cỏ làm thức ăn chăn nuôi” theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. Vì đây là mô hình đặc thù, được triển khai phù hợp với điều kiện quỹ đất hạn chế, quy mô sản xuất nhỏ nhưng yêu cầu cao về hiệu quả sử dụng đất và tính chủ động nguồn thức ăn.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
1. Yêu cầu chung 2. Định mức lao động 3. Định mức máy móc, thiết bị 4. Định mức giống, vật tư 5. Định mức triển khai	Không quy định	Không quy định	a) Yêu cầu chung b) Định mức lao động c) Định mức máy móc, thiết bị d) Định mức giống, vật tư đ) Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU		
40. Mô hình chế biến và bảo quản thức ăn thô xanh				
Tên mô hình				
X. Mô hình trồng, chế biến và bảo quản thức ăn thô xanh (HCMCN052110)	14. Trồng, chế biến và bảo quản thức ăn thô xanh	6. Một số mô hình khác g) Mô hình chế biến và bảo quản thức ăn thô, xanh	Mô hình chế biến và bảo quản thức ăn thô xanh	Đề xuất tên “Mô hình chế biến và bảo quản thức ăn thô xanh”, lược bỏ khâu trồng cỏ của Quyết định 64/2024/QĐ-UBND và Quyết định 29/2024/QĐ-UBND, tập trung vào quy trình chế biến và bảo quản thức ăn thô xanh nhằm tối ưu hóa dinh dưỡng và phù hợp với thực tế trong chăn nuôi hiện nay.
a) Yêu cầu chung				
1. Yêu cầu chung 1. Đối tượng: Cỏ thân đứng, cỏ thân bụi, cỏ thân bò 2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng 3. Yêu cầu về kỹ thuật 4. Thời gian thực hiện	Không quy định	Đối tượng: - Ủ chua rom lúa - Ủ chua thân bắp - Ủ chua cỏ	a) Yêu cầu chung 1. Đối tượng: Cỏ thân đứng, cỏ thân bụi, cỏ thân bò; Rom lúa; Thân bắp. 2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng 3. Yêu cầu về kỹ thuật 4. Thời gian thực hiện	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2022/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
b) Định mức lao động				
2. Định mức lao động	a) Định mức lao động	Không quy định	b) Định mức lao động	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án (Người dân đối ứng)	Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2022/QĐ-UBND và nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp) Ghi chú: 1-2 cán bộ	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp) Ghi chú: Quy mô 20- 50 tấn/ 6- 10 ha	II. Định mức triển khai - Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 1 tấn	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp) Ghi chú: 1-2 cán bộ	
c) Định mức máy móc, thiết bị				
3. Định mức máy móc, thiết bị	Không quy định	Không quy định	c) Định mức máy móc, thiết bị	
d) Định mức giống, vật tư				
4. Định mức giống, vật tư	c) Định mức giống, vật tư	I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d) Định mức giống, vật tư	Lược bỏ do trong dự thảo đã có Mô hình trồng cỏ làm thức ăn chăn nuôi
I. Mô hình trồng thâm canh cỏ 1. Giống cỏ Trồng bằng hom Trồng bằng hạt 2. Phân bón Phân đạm nguyên chất (N) Phân lân nguyên chất	1. Mô hình trồng thâm canh cỏ 1. Giống cỏ Trồng bằng hom Trồng bằng hạt 2. <i>Thiết bị vật tư</i> Phân đạm nguyên chất (N): Cỏ thân đứng (VA06)			

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
(P ₂ O ₅) Phân Kali nguyên chất (K ₂ O) Phân hữu cơ vi sinh	và cỏ tương tự); Cỏ thân bụi, thân bò (cỏ Mombasa và cỏ tương tự) Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅) Phân Kali nguyên chất (K ₂ O) Phân hữu cơ vi sinh			
II. Hỗ trợ chế biến cỏ bằng phương pháp ủ chua 1. Cỏ tươi: 01 tấn 2. Cám gạo, bột ngô hoặc bột sắn: 30 kg/tấn 3. Muối: 05 kg/tấn 4. Ủ bằng bể ủ/hố ủ (nếu ủ bằng bể): 8 m ² /tấn cỏ tươi Bạt lót bể ủ/hố ủ 5. Túi ủ (nếu ủ bằng túi): 02 túi/tấn cỏ tươi	4. Hỗ trợ chế biến cỏ bằng phương pháp ủ chua 1. Cỏ tươi: 01 tấn 2. Cám gạo, bột ngô hoặc bột sắn: 30 kg/tấn 3. Muối: 05 kg/tấn 4. Ủ bằng bể ủ/hố ủ (nếu ủ bằng bể): 8 m ² /tấn cỏ tươi Bạt lót bể ủ/hố ủ 5. Túi ủ (nếu ủ bằng túi): 02 túi/tấn cỏ tươi	Ủ chua cỏ (01 tấn): - Túi ủ (ni lon): trọng lượng 2kg, quy cách (R*D*Dày) mm: 1.600*2.500*0,1 - Muối: 05 kg - Cám gạo: 30 kg	I. Hỗ trợ chế biến cỏ bằng phương pháp ủ chua 1. Cỏ tươi: 01 tấn 2. Cám gạo, bột ngô hoặc bột sắn: 30 kg/tấn 3. Muối: 05 kg/tấn 4. Ủ bằng bể ủ/hố ủ (nếu ủ bằng bể): 8 m ² /tấn cỏ tươi Bạt lót bể ủ/hố ủ 5. Túi ủ (nếu ủ bằng túi): 02 túi/tấn cỏ tươi	Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2024/QĐ-UBND nhằm phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN
Không quy định	2. Kỹ thuật ủ rom với urea trong túi nilon - Rom lúa: 01 tấn - Túi nilon ủ (Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm): 02 kg/tấn	Ủ rom lúa - Túi ủ (ni lon): trọng lượng 2kg, quy cách (R*D*Dày) mm: 1.600*2.500*0,1 - Urea: 40 kg/tấn - Ri mật: 20 kg/tấn	II. Kỹ thuật ủ rom với urea trong túi nilon 1. Rom lúa: 01 tấn 2. Túi nilon ủ (Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm): 02 kg/tấn	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
	- Urea: 40 kg/tấn - Rỉ mật: 20 kg/tấn - Muối: 05 kg/tấn	- Muối: 05 kg/tấn	3. Urea: 40 kg/tấn 4. Rỉ mật: 20 kg/tấn 5. Muối: 05 kg/tấn	
	3. Kỹ thuật ủ chua thân bắp (ngô) trong túi nilon - Thân bắp (ngô): 01 tấn - Túi nilon ủ (Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm): 02 kg/tấn - Men vi sinh: 01 kg/tấn - Rỉ mật: 50 kg/tấn - Muối: 05 kg/tấn	Ủ chua thân bắp (ngô) - Túi ủ (ni lon): trọng lượng 2kg, quy cách (R*D*Dày) mm: 1.600*2.500*0,1: 02 kg/tấn - Rỉ mật: 20 kg/tấn - Muối: 05 kg/tấn - Men vi sinh: 01 kg/tấn	III. Kỹ thuật ủ chua thân bắp trong túi nilon 1. Thân bắp (ngô): 01 tấn 2. Túi nilon ủ (Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm): 02 kg/tấn 3. Men vi sinh: 01 kg/tấn 4. Rỉ mật: 50 kg/tấn 5. Muối: 05 kg/tấn	
đ) Định mức triển khai				
5. Định mức triển khai	d) Định mức triển khai	II. Định mức triển khai	đ) Định mức triển khai	Đề xuất kế thừa theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
1. Tập huấn kỹ thuật - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)	1. Tập huấn kỹ thuật - Số lần: 2 lần (Số lượng ≤ 30 người/lớp) - Thời gian: 01 ngày	- Tập huấn kỹ thuật: 01 lần	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: <u>1-2 lần</u> - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)	
2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 Hội nghị/MH	- Hội nghị tổng kết: 01 lần - Tham quan hoặc hội thảo	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
(1-2 ngày/HN)	- Hội nghị tổng kết: 01 Hội nghị	đầu bờ: 01 lần	(1-2 ngày/HN)	
3. Biên mô hình: ≤ 02 cái	Không quy định	Không quy định	3. Biên mô hình: ≤ 02 cái	
41. Mô hình cơ giới hoá trong chăn nuôi				
Tên mô hình				
Mô hình cơ giới hoá trong chăn nuôi	Không quy định	6. Một số mô hình khác d) Mô hình áp trứng gia cầm	Mô hình cơ giới hoá trong chăn nuôi	Đề xuất lấy tên “Mô hình cơ giới hoá trong chăn nuôi” theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND, bổ sung thêm Mô hình áp trứng gia cầm tại Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm phù hợp với định hướng chăn nuôi trên địa bàn TPHCM sau sáp nhập và thể hiện rõ việc ứng dụng cơ giới hoá vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất, giảm lao động thủ công và tăng hiệu quả chăn nuôi.
a) Yêu cầu chung				
1. Yêu cầu chung	Không quy định	Không quy định	a) Yêu cầu chung	Đề xuất kế thừa nội dung, bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-
1. Máy móc, thiết bị		Đối tượng: không quy định	1. Đối tượng: Cho các loại gia súc, gia cầm theo	định số 64/2024/QĐ-

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
			định hướng của Thành phố	
		Nội dung: Máy ấp trứng gia cầm, Máy nở, Máy phát điện, Máy phun thuốc sát trùng và các loại máy móc thiết bị khác trong chăn nuôi	2. Trang thiết bị: Máy ấp trứng gia cầm, Máy nở, Máy phát điện, Máy vắt sữa, Máy trộn thức ăn TMR, Hệ thống phun mưa làm mát chuồng trại, Máy phun thuốc sát trùng và các loại máy móc thiết bị khác trong chăn nuôi	
2. Yêu cầu về kỹ thuật: Ứng dụng đồng bộ cơ giới hóa trong chăn nuôi, giảm công lao động: rút ngắn thời gian vắt sữa còn 5-7 phút/con, giảm nhiệt độ chuồng nuôi 3-50°C so với ngoài trời		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Ứng dụng đồng bộ cơ giới hóa trong chăn nuôi	UBND, bổ sung thêm nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm đa dạng máy móc, thiết bị với định hướng chăn nuôi trên địa bàn TPHCM sau sáp nhập và đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.
3. Thời gian thực hiện: 04 tháng		Thời gian triển khai: 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: - Mô hình cơ giới hóa trong chăn nuôi gia súc: 04 tháng - Mô hình cơ giới hóa trong chăn nuôi gia cầm: 09 tháng	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
b) Định mức lao động				
2. Định mức lao động	Không quy định	Không quy định	b) Định mức lao động 04-09 tháng	
c) Định mức máy móc, thiết				
3. Định mức máy móc, thiết bị	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Máy áp trứng gia cầm: 01 chiếc (phù hợp với quy mô) - Máy nỡ: 01 chiếc (Công suất = 30% máy áp; Tỷ lệ nỡ/tổng trứng áp $\geq 70\%$; tỷ lệ gà loại I $\geq 95\%$) - Máy phát điện: 01 chiếc - Máy phun TST: 01 chiếc 	c) Định mức máy móc, thiết bị <ul style="list-style-type: none"> 1. Máy áp trứng gia cầm: 01 chiếc (phù hợp với quy mô) 2. Máy nỡ: 01 chiếc (Công suất = 30% máy áp; Tỷ lệ nỡ/tổng trứng áp $\geq 70\%$; tỷ lệ gà loại I $\geq 95\%$) 3. Máy phát điện: 01 chiếc 4. Máy phun TST: 01 chiếc 	
d) Định mức giống, vật tư				
Không quy định	Không quy định	Định mức Hoá chất sát trùng: 20 lít/cơ sở	d) Định mức giống, vật tư	
đ) Định mức triển khai				
Không quy định	Không quy định	II. Định mức triển khai	đ) Định mức triển khai	
42. Mô hình xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh				
Tên mô hình				
Không quy định	Không quy định	6. Một số mô hình khác e) Mô hình xây dựng cơ	Mô hình xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh	Đề xuất tên “Mô hình xây dựng cơ sở an toàn

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh đối với các bệnh đăng ký an toàn trên gia súc, gia cầm		dịch bệnh” dựa theo phương thức chăn nuôi theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm phù hợp với định hướng chăn nuôi trên địa bàn TPHCM sau sáp nhập
a) Yêu cầu chung				
		<p>Đối tượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở chăn nuôi gia súc - Cơ sở chăn nuôi gia cầm <p>+ Hình thức nuôi: Nuôi sinh sản và nuôi thịt</p> <p>+ Thời gian triển khai: 12 tháng</p>	<p>a) Yêu cầu chung</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đối tượng: <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở chăn nuôi gia súc - Cơ sở chăn nuôi gia cầm 2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Theo quy định hiện hành về Quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật 3. Yêu cầu về kỹ thuật: Theo quy định hiện hành về Quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật 4. Thời gian thực hiện: 	<p>Đề xuất kế thừa bỏ cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND, kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND vì đây là mô hình duy nhất ở cả 03 tỉnh trước sáp nhập.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
			12 tháng	
b) Định mức lao động				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	b) Định mức lao động 1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng) 2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp. (1-2 cán bộ)	
c) Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Không quy định	Máy phun thuốc sát trùng	c) Định mức máy móc, thiết bị - Máy phun thuốc sát trùng	
d) Định mức giống, vật tư				
Không quy định	Không quy định	1. Cơ sở chăn nuôi gia súc - Bảo hộ lao động - Dụng cụ thú y - Vắc xin - Hoá chất khử trùng - Vật tư, dụng cụ lấy mẫu	d) Định mức giống, vật tư 1. Cơ sở chăn nuôi gia súc - Bảo hộ lao động - Dụng cụ thú y - Vắc xin	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU		
		phân tích - Chi phí công tác lấy mẫu, gửi mẫu - Chi phí xét nghiệm - Chi phí thẩm định 2. Cơ sở chăn nuôi gia cầm - Bảo hộ lao động - Dụng cụ thú y - Vắc xin - Hoá chất khử trùng - Vật tư, dụng cụ lấy mẫu phân tích - Chi phí công tác lấy mẫu, gửi mẫu - Chi phí xét nghiệm - Chi phí thẩm định	- Hoá chất khử trùng - Vật tư, dụng cụ lấy mẫu phân tích - Chi phí công tác lấy mẫu, gửi mẫu - Chi phí xét nghiệm - Chi phí thẩm định 2. Cơ sở chăn nuôi gia cầm - Bảo hộ lao động - Dụng cụ thú y - Vắc xin - Hoá chất khử trùng - Vật tư, dụng cụ lấy mẫu phân tích - Chi phí công tác lấy mẫu, gửi mẫu - Chi phí xét nghiệm - Chi phí thẩm định	
đ) Định mức triển khai				
Không quy định	Không quy định	II. Định mức triển khai	đ) Định mức triển khai	Đề xuất kế thừa bố cục và bổ sung thêm Hội nghị sơ kết, Biên mô hình để phù hợp với bố cục tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU		
				nhằm đảm bảo tính nhất quán, chuyên nghiệp và truyền tải thông điệp hiệu quả.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG